

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

Số: 297 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

**Tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp năm 2025
và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026**

Phần thứ nhất

Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

I. BỐI CẢNH, CÔNG TÁC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

1. Bối cảnh

Triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, các nhân tố ảnh hưởng biến động khó lường. Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp; tình trạng bất ổn an ninh, chính trị leo thang tại một số quốc gia, khu vực, tiềm ẩn rủi ro tới sự ổn định và phát triển kinh tế toàn cầu; nền kinh tế vẫn còn chịu áp lực từ chính sách thương mại toàn cầu về thuế quan, rào cản phi thuế quan; biến động thị trường vốn, chuỗi cung ứng quốc tế, tác động đến luồng vốn FDI; kinh tế thế giới bước đầu phục hồi nhưng còn chậm; thiên tai, biến đổi khí hậu tác động tới kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Trong nước, nhu cầu tiêu dùng được cải thiện, nhu cầu của thị trường xuất khẩu cũng phục hồi mạnh, nhưng tiềm ẩn nhiều rủi ro; các xu hướng mới về dịch chuyển đầu tư, thương mại, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế mở ra những thuận lợi, cơ hội lớn để đẩy mạnh xuất khẩu cùng với sự thay đổi nhanh chóng của các mô hình kinh doanh, phương thức sản xuất, tiêu dùng. Bên cạnh đó, năm 2025 là giai đoạn đặc biệt khi cả nước đồng thời thực hiện “nhiệm vụ kép” chưa có tiền lệ, khi vừa tiến hành sắp xếp lại hệ thống cơ quan chuyên môn và tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp, vừa tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu tăng trưởng từ 8% trở lên. Đây là quá trình có quy mô lớn, phạm vi rộng, tác động trực tiếp đến tổ chức bộ máy, nhân sự, phương thức quản lý và điều hành, đặt ra yêu cầu cao hơn về tính linh hoạt, thống nhất và hiệu quả trong chỉ đạo điều hành.

Trong bối cảnh đó, hệ thống chính trị tỉnh Đồng Tháp đã chủ động vào cuộc với tinh thần trách nhiệm cao, kịp thời nhận diện khó khăn, thách thức và triển khai nhiều giải pháp phù hợp, sát thực tiễn. Các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ, duy trì sự điều hành thông suốt, bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội trong

giai đoạn chuyển đổi bộ máy. Nhờ đó, tỉnh đã tổ chức thành công nhiều sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa quan trọng; đồng thời tham mưu ban hành và thực thi hiệu quả các chủ trương, chính sách lớn của Trung ương và của tỉnh, góp phần tạo lực đẩy mới cho quá trình phục hồi, tăng trưởng và ổn định đời sống nhân dân.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động dự báo, theo sát diễn biến tình hình và điều hành linh hoạt, quyết liệt; kịp thời cụ thể hóa Nghị quyết của Chính phủ, Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025⁽¹⁾. Ngay sau khi sáp nhập, UBND tỉnh đã khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ và trình HĐND tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, bảo đảm thống nhất mục tiêu, định hướng, chỉ tiêu và giải pháp giữa hai tỉnh trước hợp nhất. Việc ban hành kế hoạch chung ngay trong thời điểm chuyển giao tổ chức bộ máy không chỉ thể hiện sự quyết đoán trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, mà còn tạo nền tảng vững chắc để các sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai nhiệm vụ năm đầu hợp nhất một cách đồng bộ, thông suốt và hiệu quả.

Các kế hoạch trọng tâm về triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, được ban hành kịp thời, tạo khuôn khổ thống nhất cho toàn hệ thống triển khai. Các kế hoạch này đã cụ thể hóa rõ mục tiêu tăng trưởng, xác định hệ thống chỉ tiêu theo từng ngành, từng lĩnh vực và xây dựng cơ chế phân công trách nhiệm đến từng tập thể, cá nhân gắn với tiến độ, kết quả đầu ra². Trên cơ sở đó, các sở, ban, ngành và UBND cấp xã đã cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch hành động phù hợp, thể hiện rõ chỉ tiêu, nhiệm vụ, phân công cụ thể người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, qua đó nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện, tạo chuyển biến rõ nét trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ các kết quả ước tính tăng trưởng do Cục Thống kê cung cấp theo từng quý và ước cả năm lần 1, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động cập nhật, phân tích và điều chỉnh kịch bản tăng trưởng theo diễn biến mới của thị trường. Từ đó, tỉnh xác định rõ bốn động lực chính của tăng trưởng (sản xuất, đầu tư, tiêu

¹ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024; Nghị quyết 154/NQ-CP ngày 31/5/2025 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước với mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên; Nghị quyết 226/NQ-CP về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để bảo đảm tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8,3 - 8,5%; Quyết định 145-QĐ/TU, ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để theo dõi, kiểm tra thường xuyên việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đề án bổ sung phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 của HĐND Tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2025.

² Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 03/9/2025 cụ thể hóa Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 14/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, xác định rõ trách nhiệm, lộ trình thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. Đồng thời, Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 22/8/2025 triển khai Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương, với các giải pháp trọng tâm, quyết liệt nhằm bảo đảm tốc độ tăng trưởng cả nước

dùng, xuất khẩu) và xây dựng các phương án điều hành linh hoạt cho từng tình huống. Việc điều chỉnh được thực hiện thường xuyên, bám sát khả năng đóng góp của từng khu vực kinh tế, tiến độ giải ngân, tình hình các dự án trọng điểm, năng lực doanh nghiệp và sức mua trong nước, quốc tế. Từ đó, UBND tỉnh kịp thời áp dụng các giải pháp như hỗ trợ doanh nghiệp, tháo gỡ thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, đẩy nhanh giải ngân, mở rộng thị trường xuất khẩu, kích cầu tiêu dùng và giữ ổn định sản xuất. Cách điều hành linh hoạt này giúp tỉnh duy trì ổn định kinh tế và tạo dư địa phần đầu đạt mục tiêu tăng trưởng năm 2025.

Công tác điều hành, kiểm tra, giám sát được tăng cường; UBND tỉnh thường xuyên làm việc trực tiếp với các sở, ngành, địa phương và nhà đầu tư, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc trong triển khai nhiệm vụ, nhất là giải ngân đầu tư công, phát triển hạ tầng, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và thương mại - dịch vụ. Hằng tháng, tổ chức phiên họp đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành, xác định nhiệm vụ trọng tâm tháng tiếp theo, bảo đảm liên tục, sâu sát và thực chất trong quản lý, điều hành.

Từ tháng 7/2025 đến nay, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành trên **10.000** văn bản chỉ đạo, điều hành; trình HĐND tỉnh ban hành **39** Nghị quyết; tổ chức hơn **400** cuộc họp và phiên làm việc trực tuyến - trực tiếp với các bộ, ngành Trung ương, sở, ban, ngành tỉnh và địa phương nhằm đôn đốc tiến độ, tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy tăng trưởng.

Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ và linh hoạt, tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 duy trì ổn định, nhiều lĩnh vực khởi sắc, cơ bản đạt mục tiêu đề ra, nhất là trong bối cảnh tỉnh vừa hoàn tất sắp xếp bộ máy chính quyền 2 cấp vừa triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

II. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

1. Kết quả mục tiêu, các chỉ tiêu chủ yếu

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 tiếp tục phát triển, an ninh trật tự và an ninh quốc phòng được giữ vững, bảo vệ vững chắc tuyến biên giới. Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện theo hướng minh bạch, ổn định và cạnh tranh hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh và mở rộng đầu tư phù hợp với tình hình, yêu cầu phát triển mới của tỉnh. An sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên. Đánh giá thực hiện **24** chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, ước tính có **22/24** chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, tuy nhiên có **02** chỉ tiêu dự kiến không đạt *là huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội; tổng chi ngân sách địa phương.*

- Kinh tế của tỉnh duy trì đà phục hồi và tăng trưởng khả quan hơn so với cùng kỳ năm 2024, tăng đồng đều trên hầu hết các ngành, lĩnh vực chủ yếu. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đang tập trung lãnh đạo,

chỉ đạo quyết liệt các giải pháp những tháng cuối năm, để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2025 từ **8,0% trở lên**³.

- **Cơ cấu kinh tế** chuyển dịch tích cực sang kinh tế công nghiệp - dịch vụ, phù hợp định hướng “*phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*”, tỷ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp chiếm **34,9%** (giảm 1,3 điểm %) và phi nông nghiệp chiếm **65,1%**.

- **GRDP bình quân đầu người** ước đạt **85,5** triệu đồng (tăng khoảng 8,7 triệu đồng với năm 2024). **Thu nhập bình quân đầu người** ước đạt **70,7** triệu đồng (tăng khoảng 7,5 triệu đồng với năm 2024).

- **Xuất khẩu hàng nông sản và sản phẩm chế biến** tiếp tục là điểm sáng của nền kinh tế, với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt **9,208** tỷ USD, vượt **0,1%** kế hoạch. Khách du lịch ước đạt **7,25** triệu lượt khách, tăng **18,1%**.

- **Tổng vốn đầu tư toàn xã hội** ước thực hiện đạt **83,3** nghìn tỷ đồng, tăng **12,1%** so với năm 2024. Thu hút **59** dự án đầu tư mới, gấp **2,1** lần so với năm trước; tổng vốn thu hút đạt **27.000** tỷ đồng, tăng **28,3%** so với năm trước. Có **2.500** doanh nghiệp, vượt **38,9%** kế hoạch. Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội bình quân so với GRDP đạt **29%**.

- **Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn** ước đạt **21.842** tỷ đồng, đạt **105,6%** so với dự toán, tăng **1%** so với năm 2024; trong đó thu nội địa **20.960** tỷ đồng, đạt **105,5%** dự toán, tăng **0,9%** so cùng kỳ. **Tổng chi ngân sách địa phương** ước đạt **39.248** tỷ đồng, đạt **89,5%** dự toán, giảm **15,3%** so với năm 2024; trong đó chi đầu tư phát triển đạt **13.937** tỷ đồng, đạt **125,8%** so dự toán, tăng **3%** so với năm 2024.

- Giải quyết việc làm cho **55.000** lao động, vượt **10%** kế hoạch, trong đó, có **2.550** lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, đạt kế hoạch. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt **72%**, tăng 2 điểm % so với năm 2024 và vượt kế hoạch, trong đó **36,5%** có bằng cấp, chứng chỉ.

- Hệ thống giáo dục ổn định, chất lượng được nâng lên. Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt **27,7%**; Mẫu giáo đạt **91,5%**; THCS đạt **99,1%**; THPT đạt **84%**, cao hơn so với bình quân cả nước. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học đều tăng, mầm non đạt **75,5%**, tiểu học **76,6%**, THPT **80%**.

- Chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng nâng lên. Toàn tỉnh có **95%** dân số tham gia bảo hiểm y tế; có **28** giường bệnh/vạn dân; **9,13** bác sĩ/vạn dân; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi **0,76‰** (kế hoạch là < 9,1‰); tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi **1,2‰** (kế hoạch là < 10,6‰); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng **8,19%** (kế hoạch là ≤ 10,87%).

³ Cục Thống kê (Bộ Tài chính) đang tiến hành thu thập dữ liệu đầu vào, để ước tính tăng trưởng quý IV, cả năm 2025 - lần 2 (Công văn số 17809/BTC-CTK ngày 17/11/2025). Dự kiến thông báo kết quả ước tính vào đầu tháng 12. Trước đó, Cục Thống kê đã ước tính Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) 9 tháng đầu năm ước tăng trưởng **6,98%**.

- Công tác an sinh xã hội được quan tâm, chính sách trợ giúp người nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, vay vốn tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề lao động nông thôn... được thực hiện lồng ghép, triển khai đồng bộ, kịp thời. Ước đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn **0,8%**.

- Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được triển khai đồng bộ. Đến cuối năm 2025, **100%** hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó **97,53%** sử dụng nước sạch theo quy chuẩn, vượt kế hoạch và tăng so với năm 2024. Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch đạt **99,8%**.

- Công tác thu gom, xử lý chất thải được chú trọng, tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý được nâng lên và đạt **97,15%**, đồng thời, có **100%** cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường và **100%** chất thải nguy hại được xử lý an toàn.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

2.1. Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn

a) Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp

Tỉnh tập trung thực hiện hiệu quả các đề án lớn như Tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2030, Cắt vụ, chuyển đổi mùa vụ và cơ cấu cây trồng đến năm 2025, thúc đẩy sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, mở rộng liên kết chuỗi giá trị giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ, nhất là trên các nhóm sản phẩm chủ lực: lúa gạo, cây ăn trái, rau màu, chăn nuôi và thủy sản. Qua đó, góp phần bảo đảm Khu vực Nông - lâm - thủy sản tiếp tục phát triển theo định hướng, giữ vai trò trụ đỡ của kinh tế tỉnh, thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu. Năm 2025, giá trị tăng thêm theo giá hiện hành ước đạt **101,6 nghìn** tỷ đồng, chiếm **34,9%** GRDP; theo giá so sánh năm 2010, tốc độ tăng trưởng của khu vực đạt **4,0%** so với năm trước (*năm 2024 tăng 3,5%*).

- *Về trồng trọt:* Tiếp tục duy trì ổn định, bảo đảm cả về diện tích, năng suất và sản lượng, góp phần giữ vững vai trò nền tảng của ngành nông nghiệp trong tăng trưởng kinh tế. Toàn tỉnh gieo trồng **622,6** nghìn ha cây lương thực có hạt, tương đương cùng kỳ năm trước; trong đó cây lúa chiếm **615,2** nghìn ha, đạt **103,3%** kế hoạch, với năng suất bình quân đạt **66,5 tạ/ha**, sản lượng ước **4,1** triệu tấn, đạt **102,9%** kế hoạch và tương đương năm 2024.

- *Về cây lâu năm:* Toàn tỉnh hiện có **159,5** nghìn ha cây lâu năm, đạt **100,6%** kế hoạch, tăng **5%** so với năm trước. Sản lượng đạt **2,89** triệu tấn, vượt **6,1%** kế hoạch và tăng **9,7%** so với năm trước. Trong đó, cây ăn trái chiếm **134,5** nghìn ha, đạt **100%** kế hoạch, tăng **4,6%**, sản lượng thu hoạch đạt **2,5** triệu tấn, đạt **105,9%** kế hoạch, tăng gần **10%** so với năm trước, khẳng định xu hướng mở rộng vùng chuyên canh cây ăn quả gắn với chế biến và xuất khẩu.

- *Về chăn nuôi*: Đàn vật nuôi tiếp tục phát triển ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường. Đàn heo đạt **486,8** nghìn con (*tăng 12,9%*), đạt **103,1%** kế hoạch; đàn bò đạt **181,8** nghìn con (*tăng 12,9%*), đạt **110,2%** kế hoạch; đàn trâu đạt **3,37** nghìn con (*tăng 12,8%*), đạt **112,6%** so kế hoạch và đàn gia cầm đạt **28,2** triệu con (*tăng 11,7%*), đạt **108,9%** kế hoạch. Công tác kiểm soát dịch bệnh và mở rộng quy mô chăn nuôi tập trung tiếp tục phát huy hiệu quả, thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển.

- *Về thủy sản*: Sản lượng nuôi trồng và khai thác ước đạt **1,05** triệu tấn, tăng **6,8%** so với năm trước, đạt **103%** kế hoạch. Các đối tượng nuôi chủ lực như cá tra, cá bè, tôm, nghêu... đều đạt và vượt kế hoạch, góp phần giữ vững vai trò trụ cột của ngành thủy sản trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

- *Về lâm nghiệp*: Công tác trồng rừng được duy trì, với **102,9 ha** rừng mới, trong đó **100 ha** trồng lại sau khai thác và **2,91 ha** trồng thay thế, nâng tổng diện tích rừng toàn tỉnh lên **8** nghìn ha, tỷ lệ che phủ đạt **1,31%**.

- *Về quản lý vùng trồng, vùng nuôi và truy xuất nguồn gốc*: Tỉnh đã xác lập **3.430** mã số vùng trồng với tổng diện tích **99.076 ha**, trong đó: cây ăn trái chiếm **50,2** nghìn ha, lúa - nếp **47,8** nghìn ha, và rau màu **1,1** nghìn ha. Đồng thời, đã cấp **453** mã số cơ sở đóng gói xuất khẩu sang các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Úc, EU, Hàn Quốc, Singapore... góp phần nâng cao giá trị, uy tín và khả năng truy xuất của nông sản Đồng Tháp trên thị trường quốc tế.

b) Tình hình dịch bệnh và công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi

Công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi được triển khai đồng bộ, chủ động và hiệu quả, góp phần ổn định sản xuất nông nghiệp. Các loại sâu bệnh xuất hiện rải rác, mật độ thấp, diễn biến theo quy luật tự nhiên và được kiểm soát kịp thời, không ảnh hưởng đáng kể đến năng suất và sản lượng. Các bệnh nguy hiểm được phát hiện sớm và khoanh vùng xử lý hiệu quả, không để lây lan diện rộng, toàn tỉnh ghi nhận **20** hộ có **266** con heo mắc dịch tả lợn Châu Phi, **02** hộ có **03** con bò bị viêm da nổi cục, **01** cơ sở giết mổ phát hiện **01** con heo bị lở mồm long móng và **03** hộ có **6.161** con gia cầm mắc bệnh cúm. Ngành chuyên môn đã triển khai kịp thời các biện pháp xử lý, tiêu độc khử trùng, bảo đảm kiểm soát, dập dịch triệt để, không để dịch kéo dài. Trong nuôi trồng thủy sản, một số hộ nuôi tôm thâm canh tại Tân Phú Đông ghi nhận diện tích **36,27 ha** (*chiếm 1,5% tổng diện tích thả nuôi 2.398 ha*) bị bệnh đốm trắng và gan tụy, đã xử lý không chế dịch bệnh và ổn định sản xuất.

c) Xây dựng và phát triển nông thôn

- Xây dựng nông thôn mới tiếp tục đạt kết quả nổi bật, là điểm sáng trong phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn năm 2025. Tỉnh đã được Thủ

tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024, đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình đổi mới nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại. Kết quả này không chỉ khẳng định nỗ lực của hệ thống chính trị và người dân trong phát triển hạ tầng, cải thiện đời sống, bảo vệ môi trường, mà còn tạo nền tảng vững chắc để thực hiện giai đoạn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và đô thị, hướng tới phát triển bền vững.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, mang lại lợi ích thiết thực. Các chủ thể hoàn thiện hồ sơ tham gia đánh giá OCOP đợt 01 năm 2025, trong đó có các sản phẩm tiềm năng đạt chuẩn 5 sao. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có **1.002** sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao trở lên gồm **799** sản phẩm 3 sao, **199** sản phẩm 4 sao (*trong đó có 06 sản phẩm tiềm năng 5 sao*) và **04** sản phẩm 5 sao của **448** chủ thể tham gia chương trình. Ước đến hết năm 2025, toàn tỉnh có **1.102** sản phẩm OCOP gồm: **07** sản phẩm 5 sao, **18** sản phẩm tiềm năng 5 sao, **228** sản phẩm 4 sao và 849 sản phẩm 3 sao của **532** chủ thể tham gia (*56 hợp tác xã, 170 doanh nghiệp, 304 hộ kinh doanh và 02 tổ tác*).

- Công tác quản lý và cung cấp nước sạch nông thôn được duy trì ổn định, bảo đảm chất lượng và an toàn. Tỉnh thường xuyên kiểm tra nguồn nước, vận hành các trạm cấp nước, tuyên truyền sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt **100%**, trong đó **97,53%** sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn, vượt kế hoạch đề ra.

d) Công tác thủy lợi, xử lý sạt lở, phòng, chống thiên tai

Công tác thủy lợi và phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động, góp phần bảo đảm nguồn nước, ổn định sản xuất và đời sống nhân dân. Đến cuối tháng 5/2025, xâm nhập mặn không còn ảnh hưởng đến địa bàn. Tuy nhiên, tình hình sạt lở vẫn diễn biến phức tạp với **126** điểm, tổng chiều dài **26,87** km, làm sập **19** căn nhà, ảnh hưởng **36** căn khác và một số tài sản, phần mộ của người dân. Ngoài ra, trong năm xảy ra **23** cơn lốc xoáy gây thiệt hại nặng nề, làm 2 người chết, **22** người bị thương và **739** căn nhà hư hại, tổng thiệt hại ước khoảng **34** tỷ đồng. Ngay sau khi thiên tai xảy ra, các cấp chính quyền và lực lượng chức năng đã khẩn trương hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả, sửa chữa nhà cửa, dọn dẹp cây đổ, thống kê thiệt hại, thăm hỏi, hỗ trợ các hộ dân bị ảnh hưởng, góp phần sớm ổn định đời sống và sản xuất.

2.2. Về phát triển công nghiệp, xây dựng và phát triển đô thị

Khu vực công nghiệp - xây dựng tiếp tục khẳng định vai trò động lực tăng trưởng của kinh tế tỉnh. Năm 2025, giá trị tăng thêm theo giá hiện hành ước đạt **72,9** nghìn tỷ đồng, chiếm **25,1%** GRDP; theo giá so sánh năm 2010, tốc độ tăng trưởng GRDP của khu vực ước đạt **12%**, tương đương năm 2024 (11,9%). Trong đó, công nghiệp tăng **11,5%** và xây dựng tăng **14,23%**, cả hai

khu vực duy trì mức tăng trưởng hai con số, cho thấy xu hướng phục hồi ổn định và lan tỏa tích cực từ hoạt động sản xuất, đầu tư và phát triển kết cấu hạ tầng. Khu vực công nghiệp giữ nhịp tăng ổn định nhờ phát huy thế mạnh chế biến lương thực - thủy sản, sản phẩm sau gạo, dược phẩm và bao bì nhựa; trong khi lĩnh vực xây dựng được thúc đẩy bởi tiến độ đầu tư hạ tầng, các dự án khu, cụm công nghiệp, phát triển đô thị và nhà ở xã hội.

a) Tình hình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Hoạt động sản xuất công nghiệp khởi sắc ngay từ đầu năm, phát huy tích cực đà tăng trưởng tích cực. Các doanh nghiệp đã chủ động thích ứng với tình hình, linh hoạt trong điều hành sản xuất, góp phần phát huy tiềm năng thế mạnh vùng nguyên liệu, thúc đẩy công nghiệp phát triển theo hướng chuỗi giá trị, hàm lượng khoa học công nghệ trong sản xuất ngày càng gia tăng. Qua đó, công nghiệp tiếp tục là khu vực tăng trưởng cao và là động lực quan trọng của kinh tế tỉnh. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt **59,7 nghìn** tỷ đồng, chiếm **20,5%** GRDP; theo giá so sánh năm 2010, tốc độ tăng trưởng của ngành ước đạt **11,5%** (*năm 2024 tăng 12,4%*). Nhìn chung, các ngành sản xuất công nghiệp chủ lực của tỉnh duy trì đà tăng trưởng tích cực, trong đó nhiều sản phẩm đạt và vượt kế hoạch, đặc biệt ở nhóm ngành chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu. Một số ngành như sản phẩm sau gạo, bao bì nhựa, dược phẩm ghi nhận mức tăng mạnh; tuy nhiên, đà tăng chưa thật đồng đều giữa các nhóm sản phẩm, một số ngành vẫn chịu ảnh hưởng từ biến động thị trường và chi phí đầu vào tăng⁴.

b) Tình hình phát triển các khu, cụm công nghiệp

- Hoạt động thu hút đầu tư và phát triển các khu, cụm công nghiệp của tỉnh có nhiều khởi sắc, với số lượng dự án và tổng vốn đăng ký tăng rõ rệt so với cùng kỳ, cho thấy niềm tin của doanh nghiệp vào môi trường đầu tư được cải thiện và hiệu quả của công tác mời gọi, hỗ trợ nhà đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất và hạ tầng công nghiệp của tỉnh.

- Toàn tỉnh hiện có **26** khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (*trong đó có 03 KCN nằm trong Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp*). Hiện có **06** KCN đã đi vào hoạt động với tổng diện tích là **1.068,69** ha, **04** KCN đang triển khai đền bù, giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hạ tầng và mời gọi đầu tư với tổng diện tích **1.115,3** ha⁵ và **16** KCN được quy hoạch, đang mời gọi đầu tư với tổng diện tích 7.659 ha. Tính đến tháng 10/2025, các KCN thu hút **09** dự án (*07 dự án FDI, 02 dự án DDI*); điều chỉnh tăng vốn đầu tư cho **17** lượt dự án;

⁴ Ước năm 2025: Thủy sản chế biến ước tăng 6,6%, đạt 100% kế hoạch; Sản phẩm sau gạo ước tăng 132,5%, đạt 202% kế hoạch; Thuốc viên các loại ước tăng 11%, đạt 100% kế hoạch; Túi xách tăng 9,1%, đạt 100% kế hoạch; Bao bì và túi từ plastic ước tăng 134,1%, đạt 237,4% kế hoạch...

⁵ Gồm: KCN Tân Kiều là 148 ha, KCN Tân Phước 1.470 ha, KCN Bình Đông 212 ha, KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp 285,3 ha

chấm dứt hoạt động **01** dự án FDI, **01** dự án DDI; tổng vốn đầu tư đăng ký là **196,92** triệu USD và **629,4** tỷ đồng. Dự kiến cuối năm 2025, thu hút thêm từ 02 - 04 dự án đầu tư mới (khoảng 20 triệu USD trở lên) và điều chỉnh tăng vốn đầu tư 03 lượt dự án (khoảng 10 triệu USD trở lên). Lũy kế đến nay, các KCN thu hút được **178** dự án (trong đó, có 101 dự án FDI, 77 dự án DDI) với tổng vốn đầu tư là gần **85** nghìn tỷ đồng (trong đó, vốn đầu tư FDI là 3.231 triệu USD và vốn đầu tư DDI là 12.030 tỷ đồng); diện tích đất đã cho thuê là **748,73** ha, tỷ lệ lấp đầy **93,6%**.

c) Về lĩnh vực xây dựng, phát triển đô thị

- Hoạt động xây dựng và phát triển đô thị tiếp tục có bước chuyển rõ nét. Khai thác hiệu quả các động lực từ đầu tư hạ tầng giao thông, khu - cụm công nghiệp, phát triển đô thị và nhà ở xã hội, góp phần nâng cao chất lượng không gian đô thị và hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Giá trị tăng thêm ngành xây dựng năm 2025 ước đạt **13,2** nghìn tỷ đồng, chiếm **4,3%** GRDP, tăng **14,23%** so với năm trước (năm 2024 tăng 9,9%); tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch ước đạt **97,53%**, đạt kế hoạch.

- Công tác quy hoạch và phát triển đô thị được triển khai đồng bộ, có nhiều chuyển biến tích cực. Tỉnh đã hoàn thiện và trình ban hành các phương án quy hoạch quan trọng về giao thông, logistics, hệ thống đô thị - nông thôn và hạ tầng kỹ thuật, tạo nền tảng cho thu hút đầu tư và phát triển không gian đô thị - khu dân cư⁶. Cùng với đó, tỉnh đẩy mạnh thực hiện các đề án về đô thị xanh, thông minh và thích ứng biến đổi khí hậu, góp phần hướng tới phát triển đô thị hiện đại, bền vững, phù hợp với định hướng đến năm 2050.

- Tỉnh tập trung triển khai cơ chế hỗ trợ thực hiện các dự án nhà ở xã hội, đồng thời tăng cường quản lý, cho thuê và sử dụng nhà ở công vụ, nhà ở xã hội và nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước. Đến nay, đã hoàn thành và nghiệm thu **563** căn nhà ở xã hội đủ điều kiện bán, cho thuê theo quy định, gồm dự án Nhà ở xã hội Tân Hương (171 căn) và dự án Nhà ở cho người lao động (392 căn). Hiện toàn tỉnh đang triển khai **10** dự án nhà ở xã hội với tổng số **4.834** căn, đồng thời chuẩn bị triển khai thêm **04** dự án mới, quy mô khoảng **1.960** căn hộ. Các dự án này góp phần đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân có thu nhập thấp, công nhân, người lao động tại các khu, cụm công nghiệp, qua đó góp phần ổn định an sinh xã hội và phát triển đô thị bền vững.

⁶ UBND tỉnh đã trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết về phương án phát triển mạng lưới và kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và phương án phát triển vận tải và kết nối hạ tầng logistics; Phương án quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn; phương án phát triển hạ tầng cấp nước, thoát nước; xử lý nước thải, chống ngập lụt, nghĩa trang và quản lý chất thải rắn thông thường tại các đô thị, khu vực dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn thiện các quy định liên quan đến quy hoạch đô thị và phân loại đô thị, trong đó có việc áp dụng theo Nghị quyết số 50/2024/UBTVQH15 ngày 22/8/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030; Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến 2030.

2.3. Phát triển thương mại - dịch vụ

Khu vực thương mại - dịch vụ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Năm 2025, giá trị tăng thêm theo giá hiện hành ước đạt **116,5** nghìn tỷ đồng, chiếm **40%** tổng GRDP, tăng **8,8%** theo giá so sánh, cao hơn cùng kỳ năm 2024 (7,2%). Trong đó, dịch vụ tăng **9,15%**, thuế sản phẩm tăng **6,5%**, thể hiện xu hướng phục hồi ổn định và lan tỏa tích cực trong khu vực dịch vụ.

a) Hoạt động thương mại

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn tỉnh diễn ra sôi động, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng, hàng hóa lưu thông ổn định, không xảy ra hiện tượng đầu cơ, tăng giá bất thường. Các siêu thị, trung tâm thương mại, chợ truyền thống và cửa hàng tiện ích duy trì nguồn cung dồi dào, phong phú. Tỉnh đã triển khai hiệu quả các giải pháp cân đối cung cầu, bình ổn giá, kích cầu tiêu dùng. Nhiều chương trình khuyến mãi, sự kiện mua sắm được tổ chức thường xuyên, góp phần thúc đẩy sức mua. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt **255** nghìn tỷ đồng, tăng **12,1%** so với năm trước, đạt **100%** kế hoạch⁷.

b) Xuất khẩu, nhập khẩu

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu nhiều biến động, các doanh nghiệp của tỉnh vẫn duy trì đà tăng trưởng, linh hoạt mở rộng thị trường, tận dụng tốt các hiệp định thương mại tự do. Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 ước đạt **9,21** tỷ USD, tăng **1,2%**, đạt **100,1%** kế hoạch, khẳng định xuất khẩu tiếp tục là động lực quan trọng của kinh tế tỉnh. Kim ngạch nhập khẩu năm 2025 ước đạt **4,76** tỷ USD, tăng **7,4%** so với năm trước, đạt **107,37%** kế hoạch, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất và thương mại⁸.

c) Bưu chính, viễn thông - công nghệ thông tin

Hệ thống bưu chính - viễn thông tiếp tục được đầu tư, mở rộng và hiện đại hóa, bảo đảm phục vụ hành chính công và nhu cầu người dân. Toàn tỉnh có **37** doanh nghiệp bưu chính với **556** điểm phục vụ, **100%** xã có điểm phục vụ công ích. Hạ tầng viễn thông phủ sóng **3G/4G** toàn tỉnh, với **4.178** trạm thu phát sóng

⁷ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 10 tháng đầu năm đạt 206.904 tỷ đồng, tăng 14,06% so với cùng kỳ năm trước, đạt 81,17% kế hoạch năm 2025. Trong đó, doanh thu thương mại ước đạt 166.956 tỷ đồng, tăng 13,78% so với cùng kỳ.

⁸ Kết quả 10 tháng đầu năm: (1) Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 7.580,9 triệu USD, tăng 3,85% so với cùng kỳ năm trước, đạt 85,57% kế hoạch. Các ngành hàng xuất khẩu có tăng trưởng dương: Gạo (tăng 30,02%); thủy sản (tăng 7,49%); hàng rau quả (tăng 37,39%); bánh phồng tôm, bánh kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc (tăng 40,13%); sản phẩm từ chất dẻo (tăng 19,94%); kim loại thường khác (tăng 4,78%). Các ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm: Sản phẩm ngành may (giảm 31,16%); giày dép (giảm 3,62%); sắt thép và sản phẩm từ sắt thép (giảm 25,19%);... (2) Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 3.552,8 triệu USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ, đạt 90,95% kế hoạch. Trong đó hàng hóa nhập khẩu: Kim loại thường khác (nguyên liệu đồng) ước đạt 1.073,9 triệu USD; sắt thép các loại ước đạt 441,63 triệu USD; nguyên phụ liệu dệt may, da giày, túi xách ước đạt 353,81 triệu USD; vải may mặc ước đạt 220,78 triệu USD; chất dẻo nguyên liệu ước đạt 214,53 triệu USD...

di động, **3,88** triệu thuê bao điện thoại và **4** triệu thuê bao Internet. Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tỉnh đẩy mạnh chuyển đổi số, triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến an toàn, cấp mới **6.655** tên miền “.vn”, nâng tổng số lên **11.569** tên miền đang hoạt động.

d) Du lịch

Du lịch tiếp tục là điểm sáng của khu vực dịch vụ, được triển khai đồng bộ gắn với chuyển đổi số, quảng bá, xúc tiến đầu tư và nâng cao chất lượng phục vụ. Tỉnh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ như Cổng thông tin du lịch Đồng Tháp, mã QR tại điểm tham quan, “AI Sen Hồng” tại Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp, góp phần hình thành hình ảnh du lịch thông minh, thân thiện. Hoạt động xúc tiến du lịch được mở rộng, đặc biệt là Hội nghị giới thiệu du lịch Đồng Tháp tại TP. Hồ Chí Minh, bản đồ du lịch tương tác 3D/360 và cẩm nang điện tử vùng ĐBSCL. Năm 2025, tỉnh ước đón **7,25** triệu lượt khách (810 nghìn khách quốc tế), tổng thu **4.116** tỷ đồng⁹, tăng mạnh so với năm trước, khẳng định vị thế Đồng Tháp là điểm đến hấp dẫn.

đ) Vận tải

Hoạt động vận tải duy trì ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu đi lại và lưu thông hàng hóa. Các doanh nghiệp tuân thủ nghiêm quy định về an toàn, chất lượng dịch vụ. Tỉnh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý, triển khai thanh toán vé tàu xe bằng căn cước công dân, mở rộng mô hình vận tải không tiền mặt. Trong 10 tháng đầu năm, vận chuyển **33,7** triệu hành khách, luân chuyển gần **1** tỷ hành khách.km; vận chuyển hàng hóa **22,1** triệu tấn, tăng nhẹ so với cùng kỳ.

e) Tín dụng - ngân hàng

Hoạt động tín dụng được điều hành linh hoạt, an toàn, bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Đến cuối năm 2025, tổng nguồn vốn huy động đạt **207,9** nghìn tỷ đồng, tăng **13,9%**, dư nợ đạt khoảng **250** nghìn tỷ đồng, tăng **10 - 12%**, nợ xấu dưới **3%**. Các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, xuất khẩu, sản phẩm chủ lực đều tăng trưởng tích cực. Dư nợ cho vay nông - lâm - thủy sản đạt **13,6** nghìn tỷ đồng, góp phần thúc đẩy sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Ngành ngân hàng đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, tích hợp VNeID, ứng dụng sinh trắc học, góp phần hiện đại hóa dịch vụ tài chính và hỗ trợ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh.

2.4. Thu, chi ngân sách nhà nước

Công tác điều hành thu - chi ngân sách được triển khai chủ động, linh hoạt, bảo đảm giữ vững cân đối ngân sách, tăng thu thực chất, chi đúng trọng tâm, trọng điểm, đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, thúc đẩy

⁹ Tính chung tổng lượt khách du lịch 10 tháng đầu năm là 5.425.000 lượt, đạt 74,8% kế hoạch năm, tăng 5,4% so với cùng kỳ; trong đó, khách quốc tế 517.090 lượt, đạt 63,8% kế hoạch, tăng 4,8% so với cùng kỳ; tổng thu du lịch đạt 3.200 tỷ đồng, đạt 77,7% kế hoạch, tăng 25% so với cùng kỳ.

tăng trưởng kinh tế - xã hội bền vững. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 ước đạt **21.842** tỷ đồng, đạt **105,6%** so với dự toán, tăng **1%** so với năm 2024; trong đó, thu nội địa **20.960** tỷ đồng, đạt **105,5%** dự toán, tăng **0,9%** so với năm 2024. Ước tổng chi ngân sách địa phương **39.248** tỷ đồng, đạt **89,5%** dự toán, giảm **15,3%** so với năm 2024; trong đó chi đầu tư phát triển theo kế hoạch vốn năm 2025 là **13.937** tỷ đồng, đạt **125,8%** so dự toán, tăng **3%** so với năm 2024, chi thường xuyên là **23.908** tỷ đồng, đạt **101,9%** so dự toán, tăng **16,1%** so với năm trước¹⁰.

2.5. Triển khai các dự án đầu tư hạ tầng, huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cả năm 2025 ước thực hiện đạt **83,3** nghìn tỷ đồng, tăng **12,1%** so với năm 2024, đạt **97%** so với kế hoạch.

a) Về đầu tư công

Tổng vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh là **17,56** nghìn tỷ đồng, bao gồm: vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách địa phương là **11,8** nghìn tỷ đồng, vốn ngân sách Trung ương là **5,7** nghìn tỷ đồng. Trong những tháng đầu năm 2025, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo nhiều nhóm giải pháp trọng tâm để triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công, qua đó đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tỷ lệ giải ngân của tỉnh luôn ở nhóm những địa phương có tỷ lệ giải ngân cao của cả nước. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công tính đến ngày 24/11/2025 đạt **8.935** tỷ đồng, đạt **65,2%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt **54,5%** kế hoạch tỉnh huy động; trong đó, vốn cân đối ngân sách địa phương giải ngân **6.016,4** tỷ đồng, đạt **72,3%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt **56,5%** kế hoạch tỉnh huy động và vốn ngân sách Trung ương giải ngân **2.918,6** tỷ đồng, đạt **54,1%** kế hoạch. Phấn đấu cả năm thực hiện năm 2025 giải ngân **100%** kế hoạch đầu tư công.

b) Thu hút đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- Năm 2025, tỉnh tiếp tục chủ động cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch và thân thiện với doanh nghiệp. Các cấp, các ngành đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, qua đó củng cố niềm tin, khơi dậy động lực đầu tư của khu vực tư nhân. Công tác xúc tiến đầu tư được thực hiện linh hoạt, công khai thông tin quy hoạch, đất công và dự án mời gọi đầu tư; bố trí cán bộ chuyên trách hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư trong toàn bộ quy trình thủ tục. Tỉnh cũng chú trọng thu hút các dự án quy mô lớn, khuyến khích mở rộng đầu

¹⁰ Tính đến ngày 24/11/2025: Tổng thu ngân sách nhà nước là 21.925,342 tỷ đồng, đạt 106% so với dự toán năm; trong đó, thu nội địa là 21.077,398 tỷ đồng, đạt 106,10% so với dự toán năm, bằng 114,89% so với cùng kỳ. Tổng chi ngân sách nhà nước là 35.057,111 tỷ đồng, đạt 79,98% so với dự toán năm; trong đó, chi ngân sách địa phương là 32.719,569 tỷ đồng, đạt 87,73% so với dự toán năm, bằng 114,81% so với cùng kỳ. Cụ thể: Chi đầu tư phát triển là 10.669,499 tỷ đồng, đạt 96,32% so với dự toán năm, bằng 87,54% so với cùng kỳ; Chi thường xuyên là 22.044,760 tỷ đồng, đạt 93,94% so với dự toán năm, bằng 137,80% so với cùng kỳ.

tư và gắn kết doanh nghiệp với đào tạo, tuyển dụng lao động. Những nỗ lực này được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện quan hệ giữa chính quyền và nhà đầu tư, tạo nền tảng vững chắc cho thu hút nguồn lực xã hội và phát triển kinh tế bền vững

- Tính đến ngày 24/11/2025, tỉnh thu hút **51** dự án đầu tư mới (*13 dự án có vốn đầu tư nước ngoài*), vốn đăng ký đạt gần **21,3 nghìn** tỷ đồng (*tăng 26 dự án và tăng hơn 15,16 nghìn tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024*). Trong đó, dự án có vốn đầu tư trong nước đạt hơn **17 nghìn** tỷ đồng và dự án có vốn đầu tư nước ngoài đạt **171 triệu USD** (*tương đương 4.288 tỷ đồng*). Có **17** dự án đăng ký tăng vốn, vốn đăng ký đạt **4.755,41** tỷ đồng (*trong đó, đầu tư trong nước đạt gần 1.122 tỷ đồng và đầu tư nước ngoài đạt 139 triệu USD, tương đương 3.634 tỷ đồng*); có **01** dự án đăng ký giảm vốn (do giảm quy mô xây dựng) còn 54,972 tỷ đồng, giảm 3,16 tỷ đồng. Tổng vốn thu hút đầu tư toàn tỉnh 11 tháng đầu năm 2025 đạt hơn **26 nghìn** tỷ đồng, dự kiến tổng vốn thu hút đầu tư cả năm 2025 đạt **31,3- 33,3 nghìn** tỷ đồng¹¹.

- Ước cả năm 2025 tỉnh thu hút được **59** dự án mới, gấp **2,1** lần so với cùng kỳ, tổng vốn đầu tư **27 nghìn** tỷ đồng. Các dự án đầu tư mới trong năm chủ yếu tập trung vào năng lượng tái tạo, thương mại - dịch vụ, chế biến nông - thủy sản và hạ tầng kỹ thuật điện, với nhiều công trình quy mô lớn như Nhà máy Điện gió Tân Thành (4.700 tỷ đồng), Trung tâm thương mại Aeon Mỹ Tho (1.116 tỷ đồng), cùng các nhà máy chế biến, sản xuất công nghệ cao và hệ thống trạm biến áp 110kV tại các khu vực trọng điểm.

2.6. Phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể và công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước

a) Phát triển doanh nghiệp

Tỉnh tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ, với phương châm “*đồng hành cùng doanh nghiệp*”. Các cuộc gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư được tổ chức thường xuyên để lắng nghe, tháo gỡ khó khăn và ghi nhận đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, gắn với các giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững đến năm 2025. Niềm tin của nhà đầu tư và môi trường kinh doanh của tỉnh tiếp tục được cải thiện. Tình hình phát triển doanh nghiệp trong những tháng đầu năm 2025 cho thấy xu hướng

¹¹ Các dự án trọng điểm tạo động lực phát triển, thu hút các nhà đầu tư trong các ngành công nghệ cao, thân thiện với môi trường; cụ thể các dự án trọng điểm với quy mô vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên: Công ty CP Thực phẩm One - One Miền Nam, Công ty TNHH Happyfood Viet Nam, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I, Công ty TNHH XNK Sapo Đồng Tháp, Công ty TNHH Thủy sản Hai Năm, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Chơn Chính, Công ty TNHH Dầu Gạo Sethia Hemraj, Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn, Công ty TNHH Kỹ thuật Alavi, Cty TNHH TM DV XNK Tường Nguyên, Công ty TNHH đầu ăn thời đại mới, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, Công ty CP cảng Mỹ Tho; Công ty TNHH Ngọc An Nguyên, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam - TNHH,...

phục hồi mạnh mẽ, năng động hơn so với năm 2024¹².

Dự kiến cả năm 2025 có **2.500** doanh nghiệp thành lập mới, tăng **56,9%** so với năm 2024, đạt **138,9%** kế hoạch năm. Đến cuối năm 2025, toàn tỉnh dự kiến có khoảng **13.200** doanh nghiệp hoạt động. Sự gia tăng mạnh của các đơn vị trực thuộc (*chi nhánh, địa điểm kinh doanh*) cũng cho thấy khu vực doanh nghiệp đang mở rộng quy mô, đa dạng hóa hoạt động sản xuất - thương mại. Tuy nhiên, song song với đó, vẫn còn một bộ phận doanh nghiệp giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động (*10 tháng đầu năm: tăng hơn 30% và 11,7% so cùng kỳ*), cho thấy quá trình sàng lọc, cơ cấu lại thị trường đang diễn ra, đặc biệt ở các doanh nghiệp quy mô nhỏ hoặc thiếu năng lực thích ứng. Nhìn chung, xu hướng cho thấy sự tích cực, số doanh nghiệp gia nhập thị trường tăng nhanh, quy mô mở rộng, triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư và thúc đẩy đổi mới sáng tạo đạt hiệu quả, đúng định hướng. Tỉnh đang tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao năng lực cạnh tranh, tiếp cận vốn và thị trường, nhằm bảo đảm phát triển ổn định, bền vững, giảm số doanh nghiệp rời khỏi thị trường.

b) Hoạt động kinh tế tập thể

Hoạt động kinh tế tập thể tiếp tục được triển khai đồng bộ và hiệu quả, bám sát Nghị quyết 20-NQ/TW của Trung ương và các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về phát triển hợp tác xã giai đoạn 2021–2025. Tỉnh tập trung tuyên truyền, phổ biến Luật Hợp tác xã, chính sách phát triển kinh tế tập thể, khuyến khích mô hình liên kết theo chuỗi giá trị. Đến cuối tháng 9 năm 2025, toàn tỉnh có **537** HTX; trong đó, thành lập mới **12** HTX (*đạt 100% kế hoạch*); có **02** HTX giải thể; có **1.233** THT hoạt động. Ước đến cuối năm 2025, toàn tỉnh dự kiến có **526** HTX, quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động (*trương đương năm 2024*); tạo việc làm cho **38,43 nghìn** lao động (*tăng 5,7% so với năm 2024*); tổng doanh thu của HTX ước đạt **8,4 nghìn** tỷ đồng (*tăng 156,7% so với năm 2024*), với thu nhập bình quân người lao động HTX đạt **84,8** triệu đồng/năm (*tăng 9% so 2024*).

c) Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước

Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước được triển khai theo đúng định hướng và lộ trình của Trung ương và tỉnh¹³. Năm 2025, UBND tỉnh đã phê duyệt kế hoạch sản xuất - kinh doanh và đầu tư phát triển của các doanh

¹² Tính chung 10 tháng đầu năm 2025: Doanh nghiệp thành lập mới là 2.185 doanh nghiệp, đạt 121,3% kế hoạch và bằng 168,5% so với cùng kỳ năm 2024; nâng tổng số doanh nghiệp đang hoạt động toàn tỉnh lên khoảng 12.774 doanh nghiệp. Đơn vị trực thuộc doanh nghiệp thành lập mới: 1.625 đơn vị (gồm 265 chi nhánh, 1.319 địa điểm kinh doanh và 41 văn phòng đại diện), bằng 151,7% so với cùng kỳ năm 2024. Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động: 360 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể (bằng 134,3% so cùng kỳ); 744 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, bằng 111,7% so với cùng kỳ năm 2024.

¹³ Hiện toàn tỉnh có 09 doanh nghiệp nhà nước, gồm 05 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (Xổ số kiến thiết Tiền Giang, Xổ số kiến thiết Đồng Tháp, Cấp nước Tiền Giang, Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang, Công trình Đô thị Mỹ Tho) và 04 doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối (Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp, Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, Công trình Đô thị Gò Công).

nghiệp 100% vốn nhà nước, đồng thời chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần tham gia biểu quyết các chỉ tiêu tại Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Việc cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện theo Quyết định 1479/QĐ-TTg, với các nội dung chính: Tiếp tục giữ 100% vốn nhà nước tại các công ty Xổ số kiến thiết Tiền Giang, Xổ số kiến thiết Đồng Tháp, Cấp nước Tiền Giang, Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang. Duy trì tỷ lệ vốn nhà nước chi phối tại các công ty: Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp (85,6%), Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp (51%), Công trình Đô thị Gò Công (51%). Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Mỹ Tho giai đoạn 2024 - 2026, sau cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn. Triển khai thoái vốn Nhà nước tại Công ty CP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (từ 98,62% xuống 64%), được UBND tỉnh kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh thời gian thoái vốn sang giai đoạn 2026 - 2030.

2.7. Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, xã hội và môi trường

a) Khoa học và công nghệ

- Về lĩnh vực quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN): trong năm 2025, hoạt động khoa học và công nghệ tiếp tục phát huy vai trò phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và đổi mới sáng tạo. Nhiều nghiên cứu tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, kỹ thuật công nghệ, khoa học xã hội, góp phần cải thiện năng suất, chất lượng sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực và OCOP.

- Về lĩnh vực quản lý công nghệ và sở hữu trí tuệ: đạt nhiều kết quả tích cực, nổi bật là xác lập thành công chỉ dẫn địa lý "Đồng Tháp" cho sản phẩm sen, hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu cho 71 tổ chức với tổng kinh phí 472 triệu đồng. Chuyển giao công nghệ, đánh giá và thẩm định công nghệ được đẩy mạnh, với 55 dự án được góp ý, cấp 02 Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ. Đã cấp 02 giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức nhiều lớp tập huấn và cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp. Công tác an toàn bức xạ và hạt nhân, thông tin thông kê KH&CN, tuyên truyền phổ biến kiến thức được duy trì thường xuyên. Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực KH&CN được số hóa, công khai, minh bạch, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính và chuyển đổi số trong hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng: Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng được tăng cường, hỗ trợ 29 doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến như ISO 9001, ISO 22000, HACCP; thực hiện kiểm tra chuyên ngành tại 168 cơ sở kinh doanh; triển khai vận hành Cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hỗ trợ doanh nghiệp minh bạch thông tin và nâng cao khả năng cạnh tranh.

b) Giáo dục và đào tạo

- Triển khai thực hiện các dự án xây dựng trường chuẩn quốc gia, tạo nên nhiều ngôi trường khang trang, tạo điều kiện quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường và đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Triển khai Đề án Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu thực tiễn đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Hệ thống mạng lưới trường học từ giáo dục mầm non đến giáo dục phổ thông đã được xây dựng và phát triển rộng khắp các địa bàn xã, phường trong toàn tỉnh. Toàn tỉnh hiện có **368** trường mầm non (*trong đó có 340 trường mầm non công lập; 28 trường mầm non ngoài công lập*) và **273** cơ sở giáo dục mầm non độc lập, tư thục; 386 trường tiểu học (*trong đó có 385 trường công lập và 01 trường tư thục*), có **01** Trung tâm Hỗ trợ Phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật cấp tỉnh và **01** trường chuyên biệt dạy trẻ khuyết tật; **254** trường trung học cơ sở (*trong đó có 223 trường THCS và 31 trường TH&THCS*); **81** trường trung học phổ thông (*trong đó có 66 trường THPT; 13 trường THCS&THPT và 02 trường Tư thục*).

- Ước đến cuối năm 2025, tỷ lệ học sinh huy động so dân số trong độ tuổi ở các bậc học đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch, cụ thể: nhà trẻ đạt **27,7%**, mẫu giáo đạt **91,5%**, tiểu học đạt **100%**, trung học cơ sở đạt **98,7%**, trung học phổ thông và tương đương đạt **79%**. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tương ứng từng bậc học như sau: Mẫu giáo đạt tỉ lệ **75,5%**; tiểu học đạt tỉ lệ **76,6%**; trung học cơ sở đạt tỉ lệ **73,2%**; trung học phổ thông đạt tỉ lệ **80%**.

c) Chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Năm 2025, công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực, thể hiện sự nỗ lực lớn của ngành Y tế trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, mở rộng đồng bộ, giúp người dân ở cả vùng sâu, vùng xa được tiếp cận các dịch vụ y tế thuận tiện và chất lượng hơn. Có **100%** trạm y tế có bác sĩ, nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi, góp phần bảo đảm công tác khám, điều trị ban đầu và chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng.

- Trang thiết bị y tế được đầu tư nâng cấp, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và phát huy hiệu quả khai thác. Các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, công tác phòng chống dịch bệnh được triển khai chủ động, không để dịch lớn xảy ra. Đặc biệt, dịch sốt xuất huyết được kiểm soát tốt với **3.715** ca mắc, ghi nhận **01** ca tử vong.

- Hoạt động khám chữa bệnh duy trì ổn định, với hơn **5,99** triệu lượt khám và **337,4** nghìn lượt điều trị nội trú, bảo đảm quyền lợi người dân, nhất là người

tham gia bảo hiểm y tế. Ngành Y tế chú trọng ứng dụng kỹ thuật mới, đầu tư thiết bị hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh.

- Về các chỉ tiêu y tế chủ yếu, ước đến cuối năm đều đạt kế hoạch: **95%** dân số tham gia bảo hiểm y tế, **28** giường bệnh/vạn dân, **9,13** bác sĩ/vạn dân; tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi **0,76‰**, dưới 5 tuổi **1,2‰**, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi (theo cân nặng) còn **8,19%**.

d) Bảo hiểm, lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Về lao động việc làm: Công tác giải quyết việc làm, tư vấn, giới thiệu việc làm được quan tâm thực hiện, tổ chức nhiều phiên giao dịch việc làm (74 phiên), cho vay giải quyết việc làm, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động. Lũy kế 11 tháng đầu năm, giải quyết việc làm cho **55.125** lao động, đạt **110%** kế hoạch, trong đó có **2.610** lao động đi làm việc ở nước ngoài (*đạt 102% kế hoạch*)¹⁴. Từ đầu năm đến nay, đã ra quyết định cho **22.726** người hưởng trợ cấp thất nghiệp, với tổng số tiền chi trả tương đương **409,9** tỷ đồng. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị ở mức dưới **4%**, đạt chỉ tiêu đề ra. Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp đến cuối năm ước **dưới 35%**. Tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt **72%**, tỷ lệ qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ ước đạt **36,5%**, đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

- Công tác an sinh xã hội, chính sách người có công được triển khai đồng bộ, kịp thời, đúng đối tượng, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, bảo đảm an sinh bền vững và phát huy truyền thống “*Uống nước nhớ nguồn*” của dân tộc. Toàn tỉnh đang quản lý hơn **194 nghìn** đối tượng người có công, trong đó **21,8 nghìn** đối tượng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng với kinh phí chi trả khoảng **620** tỷ đồng; **30,25** nghìn đối tượng hưởng trợ cấp một lần với tổng kinh phí khoảng **93** tỷ đồng. Đã giải quyết chế độ mới cho **62** người có công được công nhận, ban hành các quyết định trợ cấp, hỗ trợ thờ cúng, giáo dục, mua sắm phương tiện trợ giúp và điều chỉnh hồ sơ cho hơn **2.500** trường hợp, bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch.

- Công tác chăm lo hộ nghèo, đối tượng yếu thế được thực hiện thiết thực, hiệu quả, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Các chính sách trợ giúp xã hội được triển khai sâu rộng, phát huy truyền thống nhân ái, nghĩa tình của người Đồng Tháp. Tỉnh đã hoàn thành 100% kế hoạch hỗ trợ nhà ở cho người có công, với **741** căn nhà được hỗ trợ (*240 căn xây mới, 501 căn sửa chữa*). Đồng thời, từ các nguồn ngân sách, xổ số kiến thiết và xã hội hóa, tỉnh đã hoàn thành bàn giao **605** căn nhà an sinh xã hội (*207 căn xây mới, 398 căn sửa chữa*). Thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh, đến nay đã hỗ trợ **1.206/1.528** căn nhà cho người có công và thân nhân người có công (đạt

¹⁴ Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài: thị trường Nhật Bản: 1.492 người, Hàn Quốc: 598 người, Đài Loan: 175 người, nước khác 20 người

78,92%), trong đó 258 căn xây mới, 948 căn sửa chữa; số còn lại đang tiếp tục hoàn thiện, bảo đảm đúng tiến độ, tiêu chuẩn và chất lượng.

- *Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới luôn được chú trọng:* Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe tâm thần trẻ em, chăm sóc trẻ mồ côi giai đoạn 2023 - 2030; triển khai công tác bình đẳng giới năm 2025, thực hiện và phát sóng chuyên mục Bình đẳng giới mỗi tháng 01 chuyên mục. Sơ kết, tổng kết các kế hoạch thực hiện công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình giai đoạn đến năm 2025.

đ) Văn hóa, thể dục, thể thao

- Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và - được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Các hoạt động văn hóa - nghệ thuật diễn ra sôi nổi, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân, tiêu biểu như: Đường hoa Xuân 2025 tại Mỹ Tho và Cao Lãnh, các chương trình mừng Đảng - mừng Xuân Ất Tỵ 2025, Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, Festival Hoa - Kiểng Sa Đéc lần II, kỷ niệm 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, và Lễ tưởng niệm các danh nhân, anh hùng dân tộc. Duy trì biểu diễn đờn ca tài tử và tổ chức hội diễn nghệ thuật quần chúng “*Ca khúc cách mạng*”, đạt 07 huy chương tại các hội diễn toàn quốc. Tổ chức tổng kết Nghị quyết của Tỉnh ủy về xây dựng văn hóa và con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo và Kết luận 249-KL/TU về phát triển du lịch, đánh giá kết quả 5 năm thực hiện, qua đó khẳng định hiệu quả trong gìn giữ bản sắc văn hóa, xây dựng hình ảnh địa phương năng động, thân thiện. Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đạt kết quả tích cực.

- Công tác bảo tồn, tu bổ di tích được quan tâm, triển khai đồng bộ. Các dự án trọng điểm như Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc, Xẻo Quít, Gò Tháp, Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, Ngã Sáu Bằng Lăng được thực hiện đúng tiến độ; đồng thời tỉnh tăng cường kiểm tra, khảo sát, lập hồ sơ trùng tu di tích mới, bảo đảm gìn giữ, phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Về thể dục thể thao (TDTT), ngành triển khai hiệu quả Đề án phát triển TDTT quần chúng và thể thao thành tích cao giai đoạn 2022 - 2030, cùng các chương trình trọng điểm như bơi an toàn, phòng chống đuối nước, Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại. Phong trào thể thao quần chúng phát triển rộng khắp, với trên 300 giải đấu, 20.000 VĐV tham gia, trong đó nổi bật là Giải Marathon Đất Sen Hồng - Đồng Tháp 2025 thu hút hơn 12.000 người tham dự.

- Năm 2025, toàn tỉnh có **39%** dân số tập luyện TDTT thường xuyên, **28,4%** hộ gia đình thể thao, **2.382** câu lạc bộ TDTT cơ sở. Thể thao học đường và thể thao thành tích cao đạt nhiều kết quả nổi bật. Học sinh Đồng Tháp giành 07 HCV, 13 HCB, 17 HCD, xếp hạng 4/53 tỉnh, thành toàn quốc. Ở cấp chuyên

nghiệp, tỉnh duy trì đào tạo 26 môn, có 64 VĐV trong đội tuyển quốc gia, đăng cai 06 giải thể thao cấp quốc gia, đạt 507 huy chương quốc gia và 56 huy chương quốc tế, ước cả năm đạt 640 huy chương các loại (155 HCV, 200 HCB, 285 HCD), góp phần khẳng định vị thế thể thao Đồng Tháp trong khu vực ĐBSCL.

e) Tài nguyên và môi trường

Công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên và môi trường được triển khai toàn diện, đồng bộ, hiệu quả, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và ổn định đời sống Nhân dân.

- Về đất đai, tỉnh đã hoàn thành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng năm 2024, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Cơ sở dữ liệu đất đai được tích hợp, vận hành ổn định và kết nối chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua hệ thống VBDLIS. Công tác thu hồi, giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện đúng quy định, minh bạch, bảo đảm tiến độ, phục vụ tốt nhu cầu đầu tư, phát triển. Việc quản lý quỹ đất công và các khu tái định cư được thực hiện chặt chẽ, đúng mục đích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Về tài nguyên nước, tỉnh thực hiện nghiêm quy hoạch khai thác, sử dụng bền vững, ưu tiên nguồn nước mặt, hạn chế khai thác nước dưới đất, bảo đảm an ninh nguồn nước và phòng chống sụt lún đất. Đã cấp **249** giấy phép về tài nguyên nước, nâng tổng số còn hiệu lực lên hơn **1.000** giấy phép, và phê duyệt tiền cấp quyền khai thác cho **175** tổ chức với số tiền **9,5** tỷ đồng. Công tác giám sát, điều tra, đánh giá nguồn nước và dòng chảy tối thiểu được triển khai thường xuyên, góp phần bảo đảm cân bằng sinh thái và an toàn nguồn nước.

- Về khoáng sản, tỉnh quản lý chặt chẽ, khai thác hợp lý các mỏ cát, sét phục vụ các dự án trọng điểm quốc gia và đầu tư công của địa phương. Đến nay đã cấp **32** mỏ cát với tổng trữ lượng hơn **26** triệu m³, tổng số tiền cấp quyền khai thác hơn 161 tỷ đồng, đồng thời tiếp tục tổ chức đấu giá quyền khai thác đối với **3** mỏ mới nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu san lấp cho các công trình trọng điểm.

- Về tài nguyên biển, tỉnh hướng dẫn, cấp phép giao khu vực biển phục vụ nuôi trồng thủy sản (chủ yếu nuôi hàu); đã tiếp nhận **73** hồ sơ đề nghị cấp phép, phối hợp khảo sát, thẩm định và quản lý chặt chẽ hoạt động nuôi biển, bảo đảm phát triển bền vững.

- Về bảo vệ môi trường, công tác đánh giá tác động môi trường, cấp phép môi trường, quản lý chất thải và ứng phó biến đổi khí hậu được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Các địa phương tăng cường phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn, các doanh nghiệp cơ bản đã có phương án xử lý hoặc chuyển giao chất thải theo quy định. Tỉnh triển khai hiệu quả cơ sở dữ liệu môi trường và biến đổi khí hậu, góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và giám sát môi trường.

2.8. Công tác nội vụ, cải cách hành chính, thanh tra, tư pháp, thông tin và truyền thông

a) Công tác nội vụ; cải cách hành chính

Trong năm 2025, công tác nội vụ và cải cách hành chính được triển khai toàn diện, quyết liệt, đồng bộ theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và chỉ đạo của Chính phủ, bảo đảm đúng tiến độ, hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp sau sáp nhập tỉnh.

- Về sắp xếp tổ chức bộ máy, tỉnh đã hoàn thành việc hợp nhất tỉnh Đồng Tháp và Tiền Giang, giảm **13** cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, **219** cơ quan chuyên môn cấp huyện, sắp xếp lại **305** đơn vị hành chính cấp xã còn **102** xã, phường (giảm 66,56%), bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời, giảm **11** cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và **46** cơ quan cấp huyện trong giai đoạn hoàn thiện mô hình chính quyền hai cấp.

- Về phân cấp, phân quyền, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cấp cơ sở, giảm áp lực điều hành cho UBND tỉnh và các sở, ngành, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

- Công tác kiểm tra công vụ và văn hóa công sở được tăng cường; các cơ quan, đơn vị, địa phương cơ bản chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp. Tỉnh đã phê duyệt phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức tại **102** xã, phường mới và giải quyết chế độ, chính sách cho hơn **2.160** trường hợp theo quy định, góp phần ổn định tổ chức, bộ máy và nhân sự sau sáp nhập.

- Về xây dựng chính quyền, tỉnh đã triển khai nghiêm túc các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị, Quốc hội và Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Các đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã được hoàn thiện đúng quy trình, bảo đảm cơ sở pháp lý và sự đồng thuận của Nhân dân.

- Công tác cải cách hành chính (CCHC) được thực hiện trọng tâm, xuyên suốt, với nhiều nội dung đổi mới: ban hành kế hoạch thực hiện CCHC năm 2025, phát động phong trào thi đua “Cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06”, sơ kết 5 năm Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2030, thành lập Tổ công tác CCHC tỉnh nhằm tăng cường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện. Ban hành và triển khai đồng bộ các kế hoạch cải thiện các chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS, PAPI, gắn với Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường kỷ cương hành chính, quyết tâm hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

b) Xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Công tác xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số tiếp tục được đẩy

mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tiết kiệm chi phí, thời gian cho người dân và doanh nghiệp. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) hoạt động ổn định, minh bạch; tổng số thủ tục hành chính được công khai là **2.123** thủ tục hành chính, trong đó có **1.009** dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã được triển khai trên tổng số **1.097** dịch vụ công đủ điều kiện, đạt tỷ lệ **91,98%**; số TTHC đã cung cấp DVC trực tuyến một phần là **894**; còn lại **220** thủ tục hành chính đang tiếp tục triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Hệ thống quản lý văn bản, điều hành và **102** trang thông tin điện tử cấp xã được chuẩn hóa, đồng bộ. Triển khai họp trực tuyến kết hợp phần mềm điều phối cuộc họp (Quickom - Cisco Meeting). Tiếp tục triển khai chuyển đổi số toàn diện tại một số đơn vị thí điểm; triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, người dân hiện diện số an toàn. Thực hiện **04** dự án đầu tư công về công nghệ thông tin gồm: Trung tâm giám sát an toàn thông tin, Trung tâm điều hành thông minh, nâng cấp hệ thống thư điện tử công vụ và đầu tư hạ tầng truyền thanh không dây.

- Hoàn thành, đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu dùng chung: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) kết nối với chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) và 15 bộ, ngành Trung ương; hoàn thiện kho dữ liệu điện tử cá nhân, tổ chức giúp quản lý, lưu trữ và sử dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC; ban hành danh mục gồm **38** CSDL dùng chung và **126** dữ liệu mở. Tỉnh hiện vận hành **07** hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu lớn; các nền tảng số quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương được kết nối, bảo đảm thống nhất, liên thông.

- Ngoài các phần mềm dùng chung, các cơ quan, đơn vị còn ứng dụng nhiều phần mềm chuyên ngành như: quản lý tài chính - kế toán, nhân sự, hộ tịch, BHXH, thuế, hải quan, đầu tư công, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh... góp phần nâng cao hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước.

c) Công tác thanh tra, kiểm tra

- Công tác thanh tra, kiểm tra được triển khai thực hiện bảo đảm hoàn thành theo kế hoạch đã được phê duyệt theo đúng trình tự, thủ tục và đạt chất lượng, hiệu quả; kịp thời phát hiện vi phạm, kiến nghị xử lý nghiêm, đúng pháp luật; tiếp tục quan tâm kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật, chấn chỉnh quản lý các lĩnh vực được thanh tra. Trong 10 tháng đầu năm, đã triển khai **36** cuộc; trong đó: **22** cuộc theo kế hoạch và **14** cuộc đột xuất (*có 13 cuộc triển khai trong năm 2024 chuyển sang và 23 cuộc triển khai trong năm 2025*). Đã ban hành **34** kết luận thanh tra đối với **42** đơn vị, còn **02** cuộc thanh tra đang tiến hành thanh tra. Qua thanh tra, tổng số tiền được phát hiện có vi phạm **247,7** tỷ đồng và **12.062,9** m² đất. Kiến nghị xử lý vi phạm gồm: thu hồi nộp ngân sách số tiền **30,25** tỷ đồng; xử lý khác **217,46** tỷ đồng và **12.062,9** m² đất; kiến nghị

xử lý hành chính **01** tổ chức và **49** cá nhân, chuyển cơ quan điều tra **03** vụ với **09** đối tượng¹⁵.

- Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành: đã triển khai **360** cuộc, trong đó: theo kế hoạch **115** cuộc, đột xuất 245 cuộc; đã kết thúc 360/360 cuộc với 586 tổ chức và 4.227 cá nhân được thanh tra, kiểm tra. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện 55 tổ chức và 330 cá nhân vi phạm (*nội dung vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra thuộc các lĩnh vực: tài chính; nông nghiệp và môi trường; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch...*) với số tiền 7,97 tỷ đồng; đã ban hành 106 quyết định xử phạt vi phạm hành chính (đối với 20 tổ chức, 86 cá nhân); với số tiền 1,05 tỷ đồng (của tổ chức là 215 triệu đồng, của cá nhân là 833,4 triệu đồng).

d) Công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Công tác tiếp công dân: Trong 10 tháng đầu năm 2025, số lượt công dân đã tiếp **4.016** lượt/4.678 lượt người được tiếp, tăng 24,3%, tương ứng tăng 785 lượt so với cùng kỳ năm 2024. Tiếp thường xuyên **3.609** lượt/4.172 người được tiếp, trong đó có 69 đoàn người khiếu nại, gồm 723 người¹⁶ (*tiếp nhiều lần 58 đoàn; tiếp lần đầu 11 đoàn*); Thủ trưởng các cơ quan tiếp định kỳ, đột xuất được 368 lượt/446 người được tiếp; ủy quyền tiếp **39** lượt/60 người được tiếp.

- Nhận và xử lý đơn trong 10 tháng đầu năm 2025: đã tiếp nhận và xử lý **3.227** đơn (*kỳ trước chuyển sang 235 đơn, tiếp nhận trong kỳ 2.992 đơn*), tăng 546 đơn (*tăng 20,4% so với cùng kỳ năm 2024*). Đã xử lý **3.104** đơn/3.227 đơn đã tiếp nhận, có **2.648** đơn/2.647 vụ việc (*01 vụ tố cáo có 02 đơn địa bàn xã Mỹ Thọ*) đủ điều kiện xử lý. Tổng số đơn, số vụ việc (*khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh*) đã giải quyết **1.573/1.651** tổng số đơn, số vụ việc (*khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh*) phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết **95,3%**. Tổng số kiến nghị phản ánh tiếp nhận **1.908** vụ việc, đã giải quyết **885/1.098** vụ thuộc thẩm quyền đạt **80,6%**.

đ) Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

- Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (PCTNTC) luôn được quan tâm, đạt kết quả tích cực. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo, quy định về PCTNTC; thường xuyên chủ động, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên tổ chức

¹⁵ Ngành Thanh tra của tỉnh Tiền Giang: phát hiện có vi phạm số tiền 5.969,19 triệu đồng và 11.819,9 m² đất. Kiến nghị xử lý vi phạm gồm: thu hồi nợ ngân sách số tiền 2.099,99 triệu đồng; kiến nghị xử lý khác 3.869,2 triệu đồng và 11.819,9 m² đất; kiến nghị xử lý hành chính 49 cá nhân, chuyển cơ quan điều tra 01 vụ với 05 đối tượng.

Ngành Thanh tra tỉnh Đồng Tháp (trước sáp nhập): phát hiện có vi phạm số tiền 241.737,12 triệu đồng và 243 m² đất. Kiến nghị xử lý vi phạm gồm: thu hồi nợ ngân sách số tiền 28.149 triệu đồng; xử lý khác 213.588,12 triệu đồng và 243 m² đất; kiến nghị xử lý hành chính 01 tổ chức, chuyển cơ quan điều tra 02 vụ với 04 đối tượng.

¹⁶ Công trình mở rộng nâng cấp đường Nguyễn Hữu Kiển (thành phố Cao Lãnh trước đây); liên quan đến dự án quy hoạch Khu kinh tế Cửa khẩu Thường Phước (Khu Bảo thuế giai đoạn 1 và giai đoạn 2); đất Rừng tràm Gáo Giồng huyện Cao Lãnh; Khu di tích Gò Tháp huyện Tháp Mười; phản ánh ô nhiễm môi trường của Nhà máy xi măng tại xã Tân Thành, huyện Lai Vung trước đây.

tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTNTC. Qua đó, kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong đơn vị, tổ chức từng bước được nâng lên.

- Trong 10 tháng đầu năm 2025, đã triển khai 10 cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTN, lãng phí, tiêu cực đối với 36 đơn vị. Đã ban hành 08 kết luận thanh tra, qua thanh tra đã kiến nghị chấn chỉnh một số nội dung trong công tác lãnh đạo, quản lý; tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 03 cá nhân.

- UBND tỉnh và HĐND tỉnh đã ban hành 185 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó: sửa đổi bổ sung, thay thế: 48 văn bản quy phạm pháp luật; bãi bỏ: 59 văn bản quy phạm pháp luật; ban hành mới 78 văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác PCTN, tiêu cực thuộc các lĩnh vực kinh tế, đầu tư, tài chính, xây dựng, nông nghiệp, tài nguyên và môi trường, giáo dục,...

- Tiếp tục theo dõi các sở ngành và Chủ tịch UBND cấp xã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác PCTN, lãng phí, tiêu cực và kế hoạch thực hiện công tác PCTN, tiêu cực năm 2025; giải quyết kịp thời các vụ việc tố cáo, nhất là tố cáo các hành vi liên quan đến tham nhũng; tiến hành thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTNTC; thường xuyên thực hiện công tác tự kiểm tra nội bộ và công khai, minh bạch trong hoạt động của đơn vị; kiểm soát xung đột lợi ích.

e) Tư pháp

- Công tác chỉ đạo, điều hành của lĩnh vực tư pháp được chú trọng, triển khai chủ động, quyết liệt, đạt nhiều kết quả tích cực. Từ 16/12/2024 đến 25/11/2025, các cơ quan chuyên môn đã tham mưu UBND tỉnh ban hành **267** văn bản (*37 nghị quyết, 230 quyết định*), bảo đảm đúng thẩm quyền, góp phần phục vụ hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác thẩm định, góp ý VBQPPL được thực hiện nghiêm túc, thẩm định **335** dự thảo (*70 nghị quyết, 265 quyết định*), tăng **213%** so cùng kỳ, bảo đảm chất lượng, tiến độ. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL được tăng cường; rà soát **674** văn bản (*245 nghị quyết, 429 quyết định*), đã đề xuất xử lý **418** văn bản không còn phù hợp để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của hệ thống pháp luật địa phương.

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) có nhiều đổi mới, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong tuyên truyền. Toàn tỉnh đã phát hành **56.000** tài liệu, **4.500** bản tin tư pháp, đăng tải **12** bài viết trên Báo Ấp Bắc và mở 3 chuyên mục PBGDPL trực tuyến, biên soạn trên 100 tài liệu phổ biến pháp luật qua 15 nhóm Zalo, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức và Nhân dân.

- Công tác hòa giải ở cơ sở được duy trì hiệu quả, với **1.742** tổ hòa giải và **10.764** hòa giải viên. Trong 10 tháng, các tổ đã tiếp nhận **1.633** vụ việc, hòa giải thành **1.524** vụ (đạt 93,3%), góp phần củng cố khối đại đoàn kết và ổn định xã hội ở cơ sở.

- Các lĩnh vực khác như hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, bồi thường nhà nước, đăng ký giao dịch bảo đảm được duy trì nề nếp, đúng quy định. Công tác xử lý vi phạm hành chính, hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tiếp tục được tăng cường. Toàn tỉnh hiện có **267** luật sư, **105** tổ chức hành nghề luật sư, **8** trung tâm tư vấn pháp luật và **3** chi nhánh, cơ bản đáp ứng nhu cầu pháp lý của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn.

g) Hoạt động thông tin, tuyên truyền

Triển khai thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền. Tổ chức các Hội nghị Giao ban báo chí cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh; ban hành hơn **30** văn bản định hướng tuyên truyền tập trung vào các nội dung chính trị, thời sự quan trọng như: công tác xây dựng Đảng, phòng chống tham nhũng, cải cách hành chính, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; tuyên truyền về kỳ họp Quốc hội, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước, của địa phương; cùng với các vấn đề dân sinh đang được xã hội quan tâm như giáo dục, y tế, môi trường, giá cả thị trường... Các định hướng này nhằm bảo đảm sự nhất quán trong thông tin báo chí và góp phần định hướng dư luận xã hội đúng đắn.

2.9. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

a) Quốc phòng, an ninh

- Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Quân đội về nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025. Triển khai hiệu quả các hoạt động bảo đảm an ninh trật tự theo Nghị định số 220/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn và nơi đóng quân của đơn vị. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các âm mưu, hoạt động phá hoại; triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm và các sự kiện chính trị, văn hóa, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Quân khu về công tác tuyển quân năm 2025. Kết quả tuyển sinh quân sự năm 2025 thi đậu vào các trường trong quân đội đạt **12,71%**; công tác giao quân năm 2025 đạt **100%** chỉ tiêu bảo đảm tinh thần dân chủ, đúng luật, an toàn. Sau giao quân, tổ chức hội nghị tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời, chặt chẽ từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh. Sắp xếp biên chế vào các đơn vị dự bị

động viên đạt **99,85%**. Huấn luyện quân nhân đạt **96,30%**. Phối hợp chặt chẽ với Bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh công tác dân vận và huy động các lực lượng tham gia nhiệm vụ phòng thủ dân sự tại địa phương.

- Công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ (DQTV) năm 2025 đạt **0,8%** so với dân số. Thực hiện bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh đối với các đối tượng theo quy định. Thực hiện tốt việc kết hợp quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; gắn quốc phòng - an ninh với kinh tế; xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh toàn diện làm nòng cốt trong xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; quản lý, bảo vệ tốt các công trình quốc phòng và các khu vực quân sự ở địa phương. Tập trung lãnh đạo thực hiện tốt ba khâu đột phá *“Nâng cao chất lượng huấn luyện; Tăng cường xây dựng chính quy, chấp hành kỷ luật và Nâng cao năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ và đảng viên”*.

b) An ninh trật tự, an toàn xã hội

- UBND tỉnh chỉ đạo lực lượng chức năng thực hiện đồng bộ các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước và sự kiện chính trị, văn hóa, kinh tế lớn trên địa bàn. Kịp thời xử lý **06** vụ đình công với **2.619** công nhân, vận động **1.024** lượt người khiếu nại về nơi cư trú, bảo đảm an ninh trật tự cơ sở.

- Trong năm 2025, triển khai nhiều cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, gắn với các dịp lễ, tết và sự kiện trọng đại của đất nước. Tính đến ngày 14/11/2025, tình hình tội phạm về trật tự xã hội giảm **37,7%** so với cùng kỳ 2024, khám phá đạt **84,3%**, thu hồi tài sản trị giá **5,73** tỷ đồng. Phát hiện, xử lý **367** tụ điểm đánh bạc với hơn **2.517** đối tượng. Tội phạm ma túy, kinh tế, tham nhũng, môi trường được kiểm soát chặt chẽ, đã phát hiện **397** vụ/668 đối tượng ma túy (khởi tố 326 vụ/489 đối tượng), xử lý **378/348** đối tượng vi phạm về kinh tế, môi trường; thu nộp ngân sách **12,2** tỷ đồng. Quản lý, vận hành hiệu quả Cơ sở cai nghiện ma túy của tỉnh với **2.097** người đang cai nghiện.

Trật tự an toàn giao thông được duy trì ổn định, không để xảy ra ùn tắc kéo dài hay đua xe trái phép. Tổ chức **3** cao điểm trật tự an toàn giao thông, tổ chức **31.513** cuộc/113.763 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia tuần tra kiểm soát, xử lý gần **102.131** trường hợp vi phạm, phạt tiền **209** tỷ đồng, trong đó có **19.144** trường hợp vi phạm nồng độ cồn. Tai nạn giao thông giảm trên cả 3 tiêu chí, không xảy ra vụ đặc biệt nghiêm trọng. Tăng cường quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện, phát hiện, xử lý **31** vụ/89 đối tượng liên quan vũ khí, công cụ hỗ trợ và pháo, thu hồi hơn **569** vũ khí, **2.600** pháo hoa các loại. Công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ được chú trọng: kiểm tra **4.477** cơ sở, xử phạt **23** trường hợp với **212** triệu đồng; số vụ cháy giảm, nhưng thiệt hại tài sản tăng, chủ yếu do sự cố điện; không ghi nhận vụ nổ.

- Thực hiện nghiêm túc Đề án 06 của Chính phủ, làm sạch dữ liệu dân cư, cấp căn cước, định danh điện tử VNeID và giải quyết hồ sơ trực tuyến.

c) Đối ngoại

- Công tác đối ngoại triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện và góp phần mở rộng quan hệ hợp tác, quảng bá hình ảnh địa phương và thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động duy trì, củng cố quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, cơ quan ngoại giao, doanh nghiệp nước ngoài, quan tâm tập trung đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến - chế tạo, thương mại, du lịch, giáo dục và chuyển đổi số.

- Song song đó, Đồng Tháp cũng tích cực tham gia các diễn đàn hợp tác vùng, xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, qua đó thu hút nhiều dự án ODA, FDI và vốn xã hội hóa phục vụ hạ tầng, nông nghiệp và dịch vụ. Thắt chặt quan hệ hợp tác hữu nghị với Chính quyền tỉnh Prey Veng, Banteay Meanchey, Pursat, Vương quốc Campuchia trên nhiều lĩnh vực, tập trung vào công tác phòng, chống các loại tội phạm, công tác bảo đảm an ninh trật tự khu vực biên giới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và các tỉnh Champasak, Salavan thuộc Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào về phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

(1) Năm 2025, trong điều kiện hợp nhất hành chính, vừa tổ chức bộ máy hai cấp vừa triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh vẫn giữ được đà tăng trưởng ổn định, hầu hết chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt kế hoạch, khẳng định năng lực điều hành linh hoạt, quyết liệt và hiệu quả của Ủy ban nhân dân tỉnh. Một số chỉ tiêu chưa đạt (*như huy động vốn đầu tư toàn xã hội, chi ngân sách địa phương*) đang được tập trung cải thiện bằng nhiều giải pháp để phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm, tạo nền vững chắc cho giai đoạn 2026 - 2030.

(2) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động và đổi mới phương thức điều hành, tăng cường kiểm tra, giám sát, bám sát thực tiễn, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tập trung các giải pháp đột phá cho ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế. Sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ và nông nghiệp đều duy trì tăng trưởng khá, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực chính; thương mại, du lịch, xuất khẩu hàng hóa và biên mậu đạt kết quả nổi bật.

(3) Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ rệt, số doanh nghiệp thành lập mới và tái hoạt động tăng mạnh, vốn đăng ký mới tăng mạnh, hoàn thành chỉ tiêu phát triển hợp tác xã. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm, chất lượng nâng cao; giải quyết việc làm, phổ cập giáo dục, giảm suy dinh dưỡng trẻ em, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đều vượt kế hoạch. Chính sách an

sinh xã hội, chăm lo người có công và đời sống nhân dân được thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

(4) Sau sáp nhập, bộ máy hành chính vận hành ổn định, thông suốt, tổ chức tinh gọn, rõ chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm, gắn với cải cách thủ tục hành chính, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ và đẩy mạnh chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và củng cố niềm tin của nhân dân. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Hạn chế, khó khăn

Năm 2025 diễn ra trong bối cảnh quốc tế phức tạp, xung đột địa chính trị, lạm phát toàn cầu và xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng tác động mạnh đến chuỗi cung ứng, giá cả hàng hóa và hoạt động xuất nhập khẩu. Việc Hoa Kỳ áp thuế 20% đối với hàng hóa Việt Nam, cùng với Philippines tạm ngừng nhập khẩu gạo, đã ảnh hưởng đáng kể đến xuất khẩu của tỉnh. Tại địa phương, mặc dù đạt nhiều kết quả tích cực, song một số ngành, lĩnh vực vẫn gặp khó khăn, cụ thể như sau:

(1) Tăng trưởng kinh tế chưa thật sự bền vững, cơ cấu nội ngành chuyển dịch chậm; nông nghiệp chịu tác động của thời tiết, sâu bệnh và biến động giá, hiệu quả sản xuất còn thấp; công nghiệp phụ thuộc lớn vào thị trường xuất khẩu, thiếu đơn hàng ở các ngành chủ lực như may mặc, thủy sản, chế biến nông sản; thương mại - dịch vụ, du lịch chưa tạo đột phá, doanh thu còn khiêm tốn; hiệu quả tín dụng chưa phát huy đầy đủ vai trò vốn môi thúc đẩy tăng trưởng và hỗ trợ các chương trình, dự án trọng điểm.

(2) Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp còn chậm, do vướng thủ tục đất đai, suất đầu tư cao và hạn chế năng lực nhà đầu tư; giải ngân đầu tư công chưa đạt tiến độ kỳ vọng; trong khi nguồn cung vật liệu xây dựng, đặc biệt là cát san lấp khan hiếm, giá cao, gây khó khăn cho nhà thầu, ảnh hưởng tiến độ thi công công trình và dự án trọng điểm.

(3) Chất lượng nguồn nhân lực và hạ tầng xã hội còn hạn chế, nhất là ở khu vực nông thôn; thiếu nhân lực y tế chất lượng cao, quá tải tại bệnh viện tuyến tỉnh, một số địa bàn còn thiếu trường học đạt chuẩn; nguồn lực đầu tư xã hội và cho lĩnh vực giáo dục - y tế chưa đáp ứng nhu cầu thực tế, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ công và an sinh xã hội.

(4) Biến đổi khí hậu, sạt lở bờ sông, dịch bệnh trên cây trồng - vật nuôi tiếp tục diễn biến phức tạp, gây thiệt hại sản xuất và đời sống dân sinh; trong khi nguồn lực ứng phó, khắc phục còn hạn chế. Bên cạnh đó, mô hình chính quyền hai cấp mới vận hành từ 01/7/2025 cần thêm thời gian để hoàn thiện tổ chức, ổn định nhân sự, nên việc hỗ trợ doanh nghiệp và phục vụ người dân bước đầu còn gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng trong ngắn hạn.

3. Nguyên nhân

3.1. Các nguyên nhân của kết quả đạt được

(1) Bộ máy hành chính được tổ chức tinh gọn, giảm đầu mối trung gian, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tăng tính thống nhất, thông suốt trong chỉ đạo, điều hành. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được triển khai đồng bộ, kịp thời, sát thực tiễn, tạo chuyển biến rõ nét trong công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường, trách nhiệm người đứng đầu được đề cao, phương thức phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị được cải thiện, hướng tới bộ máy hành chính chuyên nghiệp, hiệu quả, phục vụ nhân dân.

(2) Các cấp, các ngành luôn bám sát chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy và UBND tỉnh, chủ động cụ thể hóa và triển khai kịp thời các nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và chuyển đổi số. Phân công, phân cấp rõ ràng, gắn trách nhiệm với kiểm tra, giám sát thường xuyên, bảo đảm tính chủ động, đồng bộ và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

(3) Nguồn lực được tập trung, phân bổ hợp lý và sử dụng hiệu quả, ưu tiên cho các công trình, dự án trọng điểm về giao thông, đô thị, giáo dục, y tế và hạ tầng số, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, tăng cường liên kết vùng, mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Công tác chỉ đạo, điều hành thống nhất, thông suốt; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng chặt chẽ, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, gương mẫu, góp phần hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2025.

3.2. Nguyên nhân chủ yếu của khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

(1) Tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, xung đột địa chính trị, chiến tranh thương mại, lạm phát toàn cầu gia tăng, cùng với việc một số quốc gia áp dụng chính sách thuế đối ứng cao đã ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, chi phí logistics, giá nguyên liệu và giảm nhu cầu nhập khẩu hàng hóa, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất - xuất khẩu của tỉnh.

(2) Biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản diễn biến khó lường, làm tăng chi phí sản xuất, giảm hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp; nguồn cung vật liệu xây dựng, đặc biệt là cát san lấp khan hiếm, giá tăng cao, ảnh hưởng đến tiến độ thi công và giải ngân đầu tư công.

(3) Nguồn lực đầu tư cho giáo dục và hạ tầng xã hội chưa đáp ứng nhu cầu, nhất là ở khu vực nông thôn; một bộ phận học sinh có xu hướng học nghề

hoặc lao động sớm, trong khi tăng trưởng kinh tế chậm tại các đối tác thương mại chủ lực và yêu cầu tiêu chuẩn “xanh, bền vững” ngày càng cao, tạo áp lực lớn cho sản xuất, xuất khẩu và bảo đảm an sinh xã hội của địa phương.

b) Nguyên nhân chủ quan

(1) Một số lĩnh vực chỉ đạo, điều hành còn chậm so với yêu cầu, thiếu giải pháp đột phá trong huy động nguồn lực, thúc đẩy giải ngân đầu tư công còn chậm ở một số dự án và hỗ trợ doanh nghiệp, dẫn đến hai chỉ tiêu kinh tế chủ yếu (huy động vốn đầu tư toàn xã hội, chi ngân sách địa phương) chưa đạt kỳ vọng. Một số khó khăn đã được nhận diện và tháo gỡ bước đầu nhưng còn tồn tại do tính chất phức tạp, nhất là về vật liệu xây dựng và giải phóng mặt bằng.

(2) Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương có chuyển biến nhưng chưa thật sự chặt chẽ; một số ngành, lĩnh vực còn thiếu tính chủ động, tính dự báo chưa cao, dẫn đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chưa đồng đều. Cải cách hành chính và chuyển đổi số tuy có tiến bộ nhưng chưa đồng bộ, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến còn thấp, kết nối - chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan còn hạn chế.

(3) Năng lực nội tại của nền kinh tế còn yếu, đặc biệt ở công nghiệp phụ trợ, chế biến nông sản và du lịch, chưa hình thành được sản phẩm chủ lực có giá trị gia tăng cao; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu, nhất là trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và công nghệ. Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, liên kết vùng còn yếu, gây cản trở dòng vốn, lao động và hàng hóa; trong khi công tác quản lý thương mại điện tử, kinh doanh nền tảng số chưa theo kịp yêu cầu phát triển thực tiễn.

Phần thứ hai

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm bản lề mở đầu cho giai đoạn phát triển mới, vừa kế thừa kết quả và kinh nghiệm của những năm trước, vừa triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của tỉnh. Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước tiếp tục có nhiều yếu tố đan xen giữa thuận lợi, khó khăn và thách thức, yêu cầu đặt ra là tỉnh phải chủ động nắm bắt thời cơ, nâng cao năng lực thích ứng và điều hành linh hoạt, nhằm tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển mới.

- Tình hình chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; sự quyết tâm, quyết liệt của chính quyền các cấp trong quản lý điều hành; sự đồng thuận, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân tăng cao. Triển vọng kinh tế phục hồi, tăng trưởng nhanh; các xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, dịch chuyển dòng vốn, chuỗi cung ứng,

sản xuất toàn cầu sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn. Các hoạt động kinh tế trong nước tiếp tục phục hồi tích cực, khôi phục mạnh thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu phục hồi nhanh. Mặt bằng lãi suất đã giảm và kỳ vọng duy trì thấp trong năm 2026, dư địa giảm lãi suất cho vay còn lớn và khả năng tăng trưởng tín dụng còn nhiều.

- Bên cạnh đó, tình hình thế giới, địa chính trị diễn biến phức tạp, rủi ro về giá năng lượng, lương thực, nguyên vật liệu tiếp tục gia tăng, có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu và sản xuất trong nước. Chính sách thương mại của các thị trường truyền thống có nhiều biến động và ngày càng khắt khe: Hoa Kỳ tiếp tục theo đuổi chính sách bảo hộ có chọn lọc, ưu tiên sản xuất trong nước thông qua các đạo luật; Trung Quốc thường áp dụng các biện pháp đơn lẻ kiểm soát, rào cản thương mại không thuế và chiến lược bảo vệ thị trường nội địa;... Tình hình trong nước, một số chính sách, thủ tục pháp lý liên quan đến đất đai, đầu tư công, xây dựng cơ bản còn chậm điều chỉnh, có thể ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án trọng điểm. Biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sạt lở, thiếu nước ngọt và các hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra ngày càng khốc liệt, tác động trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư. Áp lực cạnh tranh về thu hút đầu tư, nhân lực chất lượng cao giữa các địa phương ngày càng lớn...

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị và hiệu lực, hiệu quả bộ máy nhà nước; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, khơi dậy khát vọng phát triển và ý chí tự lực, tự cường của Nhân dân. Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; ưu tiên phát triển công nghiệp hiện đại, dịch vụ chất lượng cao và nông nghiệp sinh thái gắn chuỗi giá trị toàn cầu. Đầu tư đồng bộ hạ tầng, mở rộng liên kết vùng, hội nhập quốc tế. Phát triển toàn diện văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao đời sống Nhân dân; quản lý hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng biến đổi khí hậu. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; chủ động công tác truyền thông chính sách, tạo khí thế, niềm tin trong Nhân dân. Giữ vững quốc phòng, an ninh, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại thực chất, hiệu quả.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 5 năm 2026 - 2030 và dự báo tình hình, UBND tỉnh dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 gồm có **25** chỉ tiêu chủ yếu, cụ thể như sau:

a) Các chỉ tiêu kinh tế (8 chỉ tiêu)

- Tăng trưởng kinh tế (GRDP theo giá so sánh 2010) đạt **8 - 8,5%**; GRDP bình quân đầu người đạt **93,5 - 94,0** triệu đồng;

- Thu nhập bình quân đầu người đạt **78,28** triệu đồng;
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt **93,3 - 94,5** nghìn tỷ đồng;
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt **23.710** tỷ đồng;
- Tổng chi ngân sách địa phương đạt **37.999** tỷ đồng;
- Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt **10** tỷ USD;
- Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt **3.000** doanh nghiệp;
- Có **20** hợp tác xã thành lập mới.

b) Các chỉ tiêu xã hội (12 chỉ tiêu)

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội dưới **33%**;
- Có ít nhất **15** xã đạt chuẩn nông thôn mới theo chuẩn giai đoạn 2026 - 2030.
- Giải quyết việc làm cho **50.000** lao động; trong đó, đưa **2.200** lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới **4%**;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt **74,2%**; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là **38,2%**;
- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt **31,0%**;
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế theo chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao (dự kiến **96%**);
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025) giảm **0,12** điểm % so với năm 2025 (còn 0,69%);
- Số bác sĩ/vận dân đạt **9,2** bác sĩ; số giường bệnh/vận dân đạt **28,6** giường bệnh; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng kéo giảm còn dưới **8,1%**;
- Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi: Nhà trẻ đạt **30,0%**, mẫu giáo đạt **92,0%**, tiểu học đạt **100%**, trung học cơ sở đạt **99,2%**, trung học phổ thông và tương đương đạt **84,5%**;
- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt **81,0%**, tiểu học đạt **80,0%**, trung học cơ sở đạt **78,0%** và trung học phổ thông đạt **85,0%**;
- Xây dựng hoàn thành **1.605** căn nhà ở xã hội.

c) Các chỉ tiêu môi trường (5 chỉ tiêu)

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt **100%**; trong đó, tỷ lệ sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn chất lượng nước sinh hoạt đạt **98,1%**;
- Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn chất lượng nước

sinh hoạt đạt **99,85%**;

- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý bảo đảm quy chuẩn đạt **97,6%**;
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường trên **100%**;
- Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt **100%**.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

*Phấn đấu năm 2026, giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm, ngư nghiệp theo giá hiện hành đạt **108,4 - 108,9** nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng **33,5% GRDP**; theo giá so sánh năm 2010, tốc độ tăng trưởng của khu vực này đạt **4,0 - 4,5%**.*

- *Về trồng trọt:* Ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất lúa, cây ăn trái và hoa màu; ứng phó hiệu quả với mùa khô 2025 - 2026; điều hành lịch thời vụ, cơ cấu giống hợp lý, tăng năng suất và chất lượng nông sản. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Phát triển mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, bảo đảm truy xuất nguồn gốc và đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Dự kiến diện tích lúa **603,2** nghìn ha, sản lượng **3,97** triệu tấn; cây ăn trái **135** nghìn ha, sản lượng **2,5** triệu tấn.

- *Về chăn nuôi:* Phát triển theo hướng an toàn sinh học, quy mô trang trại, giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ; kiểm soát tốt dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm và quản lý giết mổ tập trung theo quy định. Kêu gọi doanh nghiệp đầu tư, xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh; chủ động dự trữ vắc xin, hóa chất, xử lý triệt để ổ dịch khi phát sinh. Dự kiến tổng đàn heo **508,9** nghìn con, bò **171,8** nghìn con, gia cầm **26** triệu con.

- *Về thủy sản:* Xác định là ngành mũi nhọn của tỉnh, phát triển theo chuỗi giá trị, bảo đảm nguồn nguyên liệu ổn định, truy xuất được nguồn gốc, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm cá tra và thủy sản chủ lực. Tăng cường quan trắc môi trường, phòng chống dịch bệnh, cấp phép nuôi lồng bè; thực hiện nghiêm chống khai thác IUU, giám sát hành trình tàu cá, xử lý vi phạm; khuyến khích ứng dụng công nghệ trong khai thác, chế biến và bảo quản. Diện tích nuôi dự kiến **28,9** nghìn ha, sản lượng **1,1** triệu tấn.

- *Về thủy lợi và phòng chống thiên tai:* Chủ động theo dõi khí tượng thủy văn, xâm nhập mặn, sạt lở và ngập úng; cập nhật, cảnh báo kịp thời qua đa phương tiện để người dân chủ động sản xuất. Tiếp tục nạo vét kênh, mương nội đồng, duy tu công trình thủy lợi, bảo vệ hành lang công trình. Triển khai đồng bộ kế hoạch phòng chống thiên tai, hạn mặn, cháy rừng, tìm kiếm cứu nạn theo phương châm “4 tại chỗ”, gắn với chiến lược giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

- *Về xây dựng nông thôn mới:* Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí

đã đạt chuẩn, chú trọng xây dựng nông thôn mới theo tiêu chuẩn giai đoạn 2026 - 2030. Huy động đa dạng nguồn lực, lồng ghép hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, tránh dàn trải, trùng lặp. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất nông nghiệp, phát huy vai trò hợp tác xã, doanh nghiệp và người dân trong tổ chức sản xuất. Kiểm tra, giám sát, đôn đốc, bảo đảm chương trình xây dựng nông thôn mới phát triển thực chất, bền vững, gắn với nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn.

2. Phát triển công nghiệp và xây dựng, phát triển đô thị

Phấn đấu năm 2026, giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp - xây dựng theo giá hiện hành đạt 85,3 - 85,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 26,4% GRDP; theo giá so sánh năm 2010, tốc độ tăng trưởng của khu vực đạt 13,1 - 13,9%, trong đó, công nghiệp tăng 12,5 - 13,0%, xây dựng tăng 16,0 - 18,0%.

a) Về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Tập trung thúc đẩy sản xuất, phát huy vai trò đầu tàu tăng trưởng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng giá trị gia tăng cao, xanh và bền vững. Ưu tiên thu hút đầu tư công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp phụ trợ, năng lượng sạch, công nghiệp xanh; khuyến khích dự án FDI có chuyển giao công nghệ và liên kết doanh nghiệp trong nước. Xây dựng kế hoạch phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, gắn với nâng cao năng lực quản lý nhà nước. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm chế biến sâu, thân thiện môi trường thông qua Chương trình khuyến công; đồng thời, hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trong nâng cao chất lượng mẫu mã, nhãn hiệu.

- Phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp, nâng cao tỷ lệ lấp đầy và hiệu quả sử dụng đất. Tập trung hoàn thiện quy hoạch và hạ tầng các vùng công nghiệp trọng điểm theo Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; triển khai đồng bộ phương án phát triển ngành công nghiệp¹⁷. Tiếp tục mời gọi nhà đầu tư có năng lực tài chính, công nghệ cao tham gia đầu tư hạ tầng¹⁸. Hình thành khu, cụm công nghiệp chuyên ngành, công nghiệp xanh gắn với bảo vệ môi trường, tạo sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư.

b) Về xây dựng và phát triển đô thị

- *Về hạ tầng giao thông:* Tập trung hoàn thiện thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và thi công các công trình giao thông trọng điểm, bảo đảm an toàn, kết nối thông suốt, giảm tai nạn giao thông. Huy động đa dạng nguồn lực xã hội đầu tư hạ tầng và tăng cường bảo trì, sửa chữa, khắc phục hư

¹⁷ Như: Kế hoạch phát triển Vùng công nghiệp Gò Công đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch phát triển Vùng công nghiệp Tân Phước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

¹⁸ KCN Long Giang (còn 58,36 ha đất công nghiệp có thể cho thuê), CCN Gia Thuận 1 (còn 15 ha đất công nghiệp có thể cho thuê), CCN Tân Mỹ Chánh (còn 2,96 ha đất công nghiệp có thể cho thuê), CCN Gia Thuận 2 (39,38 ha); CCN Tân Lập (19,71 ha),...

hông trong mùa mưa lũ. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương và nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm quốc gia trên địa bàn, như Cao Lãnh - An Hữu, Mỹ An - Cao Lãnh, Dinh Bà - Cao Lãnh và tuyến ven biển kết nối vùng. Đồng thời, chuẩn bị đầu tư các trục giao thông chiến lược theo phương án Quy hoạch giao thông vận tải tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Đôn đốc tiến độ các dự án trọng điểm của tỉnh theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, bảo đảm chất lượng công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- *Về xây dựng*: Quản lý hiệu quả hoạt động đầu tư, xây dựng, thẩm định, cấp phép, kiểm soát chất lượng công trình theo đúng quy hoạch, tiêu chuẩn, định mức. Kiểm soát tốt giá vật liệu, công khai chỉ số giá, ngăn ngừa đầu cơ, thất thoát và lãng phí. Quy hoạch, tạo quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, khu dân cư, khu đô thị mới, gắn với kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản. Xử lý nghiêm các vi phạm về đất đai, xây dựng, bảo đảm thị trường bất động sản phát triển minh bạch, ổn định và bền vững.

- *Về phát triển đô thị*: Quy hoạch và phát triển đô thị theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổ chức không gian phát triển theo hành lang kinh tế dọc các tuyến cao tốc, quốc lộ và vùng động lực tăng trưởng. Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, khu dân cư, nhà ở xã hội, nâng cao tỷ lệ đô thị hóa và chất lượng hạ tầng kỹ thuật - xã hội tại các đô thị.

3. Phát triển thương mại và dịch vụ

Phấn đấu năm 2026, giá trị tăng thêm các ngành dịch vụ (bao gồm thuế sản phẩm) theo giá hiện hành đạt 129,8 - 130,2 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 40,1% tổng giá trị tăng thêm; theo giá so sánh năm 2010, tốc độ tăng trưởng của khu vực đạt 7,7 - 8,0%, trong đó các ngành dịch vụ tăng 8,1 - 8,3%, thuế sản phẩm tăng 5,5 - 6,5%.

a) Về thương mại

Phát triển thương mại nội địa gắn với kích cầu tiêu dùng và chuyển đổi số, duy trì mạng lưới phân phối truyền thống kết hợp mở rộng hệ thống bán lẻ hiện đại. Đẩy mạnh thương mại điện tử, tiêu dùng xanh, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số, tham gia các sàn thương mại điện tử lớn (*Voso, Lazada, Amazon...*), thực hiện truy xuất nguồn gốc, minh bạch thông tin sản phẩm. Phát triển hạ tầng thương mại đồng bộ, nâng cấp chợ truyền thống, trung tâm thương mại, kho vận, logistics và trung tâm phân phối hàng hóa. Phấn đấu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt **290,4 nghìn tỷ đồng**, tăng **13,9%** so với năm 2025; có **100%** sản phẩm thuộc Chương trình “*Mỗi xã một sản phẩm*” (OCOP) có mặt trên các sàn thương mại điện tử.

b) Xuất, nhập khẩu

Tăng cường đa dạng hóa thị trường, tận dụng các hiệp định thương mại tự do (*CPTPP, EVFTA, RCEP...*), hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng hiệu quả Giấy

chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), giảm rủi ro thương mại quốc tế. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại quốc tế, đồng thời, phát triển thương mại biên giới Việt Nam - Campuchia, triển khai hiệu quả hợp tác với tỉnh Preyveng, khuyến khích xuất khẩu chính ngạch, nâng cao chất lượng hàng hóa. Phần đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu đạt **10 tỷ USD (tăng 8,6%)**, nhập khẩu đạt **5 tỷ USD (tăng 5,1%)**.

c) Bưu chính, viễn thông

Phát triển hạ tầng số hiện đại, phủ sóng 5G toàn tỉnh, bảo đảm an toàn, ổn định, lâu dài. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực bưu chính, mở rộng dịch vụ bưu chính số và thực hiện hiệu quả cung cấp dịch vụ hành chính công qua bưu điện. Bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và ứng phó thiên tai.

d) Về phát triển du lịch

Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển sản phẩm du lịch đặc thù về sinh thái, văn hóa, cộng đồng gắn với giá trị di sản, bản sắc địa phương và các chương trình liên kết vùng, nhất là với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh ĐBSCL. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch bằng nhiều phương thức; đào tạo nhân lực du lịch chuyên nghiệp; thu hút đầu tư phát triển hạ tầng và dịch vụ du lịch chất lượng cao. Phần đầu năm 2026, thu hút khách du lịch đạt **8 triệu** lượt khách; trong đó **870 nghìn** lượt khách quốc tế; tổng doanh thu du lịch đạt **4.800 tỷ đồng**.

đ) Về vận tải

Phát triển vận tải đa phương thức, an toàn, hiện đại, thân thiện môi trường, gắn kết hạ tầng giao thông với dịch vụ logistics. Tăng cường kiểm soát tải trọng, bảo đảm an toàn giao thông; khuyến khích đầu tư phương tiện công cộng, đổi mới phương tiện, nâng cao chất lượng phục vụ xe buýt và vận tải hành khách.

e) Tín dụng, ngân hàng

Điều hành linh hoạt lãi suất, giảm chi phí, mở rộng tín dụng cho lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số. Tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng, ngăn ngừa rủi ro; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, ngân hàng số, mở rộng dịch vụ tại khu vực nông thôn. Hướng tới phát triển tài chính toàn diện, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn thuận lợi.

4. Thu, chi ngân sách nhà nước

Phần đầu năm 2026, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 23,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,6% so ước thực hiện 2025; trong đó, thu nội địa 22,98 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so ước thực hiện 2025. Tổng chi ngân sách địa phương đạt 37,99 nghìn tỷ đồng, giảm 3,2% so ước thực hiện 2025.

Quản lý thu ngân sách chặt chẽ, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế; mở rộng và nuôi dưỡng nguồn thu thông qua khuyến khích sản xuất - kinh doanh, thu hút đầu tư mới, gắn thu ngân sách với phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn.

Công tác chi ngân sách được điều hành tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên cho các dự án trọng điểm, giảm chi thường xuyên, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đồng thời, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, công khai minh bạch ngân sách, đẩy mạnh xã hội hóa và huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhằm giảm áp lực chi, bảo đảm ổn định và bền vững tài chính - ngân sách của tỉnh.

5. Phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể và công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước

Phấn đấu năm 2026, có 3.000 doanh nghiệp thành lập mới (tăng 20% so với năm 2025) và ít nhất 530 doanh nghiệp tái hoạt động; tổng số doanh nghiệp đang hoạt động đạt khoảng 19.320 doanh nghiệp; thành lập mới 20 HTX; tổng số hợp tác xã đến cuối năm 2026 đạt 541 HTX với 160.330 thành viên; doanh thu khoảng 4 nghìn tỷ đồng, thu nhập bình quân lao động thường xuyên đạt 88,9 triệu đồng.

a) Về phát triển doanh nghiệp

Tập trung triển khai các chương trình hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phục hồi sản xuất - kinh doanh. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp và nhà đầu tư, coi tháo gỡ rào cản, hỗ trợ doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm trong điều hành. Khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập.

b) Về phát triển kinh tế tập thể

Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, nòng cốt là HTX đa dịch vụ, hiệu quả, bền vững, gắn với chuỗi giá trị ngành hàng và chuyển đổi số. Chú trọng đổi mới tổ chức, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hợp tác xã. Khuyến khích mô hình HTX kiểu mới, liên kết với doanh nghiệp, ứng dụng thương mại điện tử trong tiêu thụ nông sản, nhân rộng mô hình phát triển HTX trên nền tảng hội quán. Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút lao động trẻ làm việc trong khu vực kinh tế tập thể, nâng cao thu nhập và hiệu quả quản trị.

c) Về công tác cổ phần hóa, đổi mới doanh nghiệp nhà nước

Hoàn thành cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên công trình đô thị Mỹ Tho; hợp nhất Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết Tiền Giang và Xô số kiến thiết Đồng Tháp. Thực hiện thoái vốn đầu tư ngoài ngành bảo

đảm công khai, minh bạch, đúng quy định đối với Công ty xổ số. Thoái toàn bộ vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030 và Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (Nhà nước đang nắm giữ 98,62%) giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định, giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước còn **64%** vốn điều lệ.

6. Đầu tư phát triển

Tiếp tục huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là các công trình, dự án quan trọng, động lực thúc đẩy tăng trưởng. Tập trung vốn nhà nước cho các dự án hạ tầng then chốt, phát triển nguồn nhân lực, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và chuyển đổi số. Phân đầu huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt **93,3 - 94,5 nghìn tỷ đồng**, chiếm **28,9 - 29,1%** so với GRDP, tăng **12 - 13,5%** so với năm 2025.

a) Về kế hoạch vốn đầu tư công

Tổng số vốn ngân sách nhà nước năm 2026 dự kiến **11,99 nghìn tỷ đồng**, giảm **14%** so với kế hoạch đầu năm 2025; trong đó, vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là **8,72 nghìn tỷ đồng** và vốn ngân sách Trung ương là **3,27 nghìn tỷ đồng**. Ưu tiên bố trí vốn cho các công trình trọng điểm, hoàn thành chuyển tiếp, dự án có sức lan tỏa lớn, góp phần phát triển kết cấu hạ tầng và đẩy nhanh tiến độ giải ngân.

b) Vốn tín dụng đầu tư

Tăng cường huy động và phân bổ nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp, hợp tác xã và các thành phần kinh tế đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, ưu tiên lĩnh vực sản xuất, năng lượng sạch, nông nghiệp công nghệ cao và hạ tầng giao thông. Phối hợp với các tổ chức tín dụng triển khai chương trình cho vay đầu tư theo danh mục được HĐND tỉnh thông qua, bảo đảm vốn cho các dự án trọng điểm, giảm áp lực ngân sách, khai thác hiệu quả nguồn lực xã hội.

c) Thu hút vốn đầu tư

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), hiệu quả quản trị hành chính (PAPI), cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS). Tăng cường xúc tiến đầu tư, chủ động mời gọi các dự án quy mô lớn, công nghệ cao, thân thiện môi trường, nhất là trong các lĩnh vực chế biến - chế tạo, hạ tầng khu công nghiệp, năng lượng tái tạo, thương mại - dịch vụ và đô thị. Khuyến khích mở rộng đầu tư các dự án đang hoạt động, đẩy mạnh hình thức đối tác công tư (PPP), xã hội hóa; minh bạch thông tin quy hoạch, rút ngắn thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi. Duy trì tiếp xúc trực tiếp với nhà đầu tư để tháo gỡ khó

khẩn, củng cố niềm tin và đồng hành cùng doanh nghiệp.

7. Phát triển khoa học và công nghệ

- Chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển khoa học - công nghệ trở thành đột phá chiến lược, tạo động lực hiện đại hóa sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tăng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP, thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, quản trị và đời sống.

- Huy động sức mạnh toàn xã hội, khuyến khích doanh nghiệp, nhà khoa học và người dân tham gia phát triển khoa học - công nghệ và chuyển đổi số. Tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh như nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, quản lý đô thị thông minh, giáo dục và y tế số.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D); tăng cường kết nối giữa nghiên cứu - đào tạo - sản xuất - doanh nghiệp. Thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao; nâng cao kỹ năng số, năng lực đổi mới sáng tạo trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Thúc đẩy hợp tác, liên kết vùng và hội nhập quốc tế về khoa học - công nghệ, hướng đến phát triển bền vững.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số toàn diện; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và hiệu quả cải cách hành chính. Phát triển hạ tầng số đồng bộ, an toàn, ứng dụng điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm tăng cường năng lực quản trị, bảo đảm an ninh mạng, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

8. Phát triển giáo dục và đào tạo

Phấn đấu năm 2026, tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi: Nhà trẻ đạt 30,0%, mẫu giáo đạt 92,0%, tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở đạt 99,2%, trung học phổ thông và tương đương đạt 81%; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 81,0%, tiểu học đạt 80%, trung học cơ sở đạt 78% và trung học phổ thông đạt 85%.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý. Thực hiện dân chủ trong trường học, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, phát huy tính tự chủ của cơ sở giáo dục. Tiêu chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tăng cường công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, gắn giáo dục với nhu cầu nhân lực địa phương và phát triển giáo dục nghề nghiệp. Khuyến khích đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy.

9. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân

Phấn đấu đến năm 2026, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao (96% dân số); tỷ lệ dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH đạt 31%; số giường bệnh trên vạn dân đạt 28,6 giường bệnh; có 9,2 bác sĩ/vạn dân.

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế. Kiện toàn tổ chức ngành y tế sau sáp nhập tỉnh theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, không chồng chéo, vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Nâng cao năng lực điều hành, quản lý ngành y tế. Hoàn thiện hệ thống Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, y tế dự phòng - điều trị - phục hồi chức năng. Phát triển Trung tâm Y tế đa chức năng khu vực, hệ thống kiểm nghiệm - kiểm định dược phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế đạt chuẩn quốc gia. Khuyến khích y tế tư nhân, y học cổ truyền kết hợp hiện đại; mở rộng mô hình khám, chữa bệnh tại nhà, y tế lưu động, chăm sóc dài hạn người cao tuổi.

- Tăng cường y tế dự phòng và kiểm soát dịch bệnh. Nâng cao năng lực giám sát dịch tễ, phát hiện sớm, đáp ứng nhanh với dịch bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm. Tổ chức dự báo, lập bản đồ nguy cơ, quản lý rủi ro y tế cộng đồng; triển khai hệ thống giám sát dịch bệnh liên thông giữa các tuyến. Truyền thông, giáo dục sức khỏe, nâng cao ý thức phòng bệnh trong cộng đồng, đặc biệt tại khu dân cư, khu công nghiệp, biên giới, ven biển. Kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm về an toàn thực phẩm và môi trường; kiểm soát chặt chẽ thực phẩm tại chợ đầu mối, bếp ăn tập thể, cơ sở sản xuất.

- Thực hiện hiệu quả Đề án bệnh viện vệ tinh, giảm tải bệnh viện, nâng cấp hạ tầng y tế cơ sở, mở rộng dịch vụ kỹ thuật cao. Phát triển mô hình “*khám chữa bệnh không giấy tờ*”, liên thông dữ liệu bệnh án điện tử - thẻ BHYT - mã định danh cá nhân. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, đặt lịch và trả kết quả trực tuyến; tăng cường dịch vụ phục hồi chức năng tại cộng đồng, nhất là cho người cao tuổi, người khuyết tật, bệnh nhân sau đột quỵ, phẫu thuật lớn. Đào tạo, chuyển giao kỹ thuật mới cho tuyến cơ sở, bảo đảm tất cả bệnh viện tuyến tỉnh thực hiện được các dịch vụ chuyên sâu tối thiểu.

10. Giải quyết việc làm, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội

Phấn đấu năm 2026, giải quyết việc làm cho 50.000 lao động, trong đó có 2.200 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội còn dưới 33%; giảm 0,12 điểm % tỷ lệ hộ nghèo (còn 0,69%); tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội nâng lên 31%; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%.

- *Giải quyết việc làm:* Tiếp tục đẩy mạnh giải quyết việc làm, kết nối cung - cầu lao động; tổ chức các phiên giao dịch, ngày hội việc làm theo hình thức linh hoạt, đa kênh. Hỗ trợ vay vốn tạo việc làm, mở rộng chương trình đưa lao động đi

làm việc ở nước ngoài. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động hiện đại, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm, an toàn vệ sinh lao động. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- *Công tác giảm nghèo*: Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội, hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận tín dụng ưu đãi, y tế, giáo dục, việc làm, trợ giúp pháp lý và phát triển sinh kế. Triển khai hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững.

- *An sinh xã hội*: Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách ưu đãi người có công và bảo trợ xã hội; hỗ trợ, chăm lo đời sống hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng yếu thế. Tăng cường vận động xã hội hóa, huy động nguồn lực trong và ngoài tỉnh hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt vào các dịp lễ, Tết. Chủ động cứu trợ khẩn cấp, hỗ trợ người dân bị thiên tai, tai nạn, bệnh hiểm nghèo, giúp họ ổn định cuộc sống.

- *Trẻ em và bình đẳng giới*: Tiếp tục triển khai Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030; tăng cường phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước; thúc đẩy bình đẳng giới và bảo vệ quyền trẻ em.

11. Phát triển văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao

- Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, chú trọng phát triển con người toàn diện. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật; gắn với bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa, thiết chế văn hóa cơ sở. Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, phát triển văn hóa đọc, hiện đại hóa hệ thống thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tri thức và nâng cao dân trí. Bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp di tích; kết hợp phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch, tạo dựng hình ảnh đặc trưng của địa phương. Tăng cường hoạt động văn hóa đối ngoại, quảng bá hình ảnh Đồng Tháp đến với cộng đồng trong và ngoài nước.

- Thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, chia sẻ thông tin, bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời. Giao ban báo chí định kỳ, họp báo cung cấp thông tin, định hướng truyền thông, nâng cao chất lượng tuyên truyền trên các nền tảng mạng xã hội và hệ thống thông tin cơ sở.

- Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, đẩy mạnh rèn luyện sức khỏe toàn dân gắn với cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”. Đầu tư phát triển thể thao học đường làm nền tảng cho thể thao thành tích cao. Phát triển thể thao thành tích cao, lựa chọn và đầu tư chuyên sâu các môn thể thao trọng điểm có thế mạnh của tỉnh; chú trọng đào tạo, huấn luyện vận động viên trẻ. Xã hội hóa, thu hút nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất thể thao; mở rộng các hoạt động thể thao cộng đồng, gắn với du lịch và lễ hội.

12. Khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Về lĩnh vực tài nguyên đất

- Triển khai Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành, gắn với rà soát để hoàn thiện chính sách, pháp luật đất đai trên địa bàn. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện đã được cấp thẩm quyền phê duyệt cho đến khi hoàn thành công tác rà soát, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo các đơn vị hành chính mới; kịp thời hướng dẫn UBND cấp xã trong việc lập kế hoạch, sử dụng đất hàng năm cấp xã, trình cấp thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm chất lượng.

- Rà soát, kiểm tra tình hình quỹ đất chưa sử dụng trên địa bàn tỉnh để thu hút đầu tư, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận đất đai, đưa đất vào sử dụng theo hướng tiết kiệm, hiệu quả; xử lý theo quy định đối với các dự án không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng, gây lãng phí nguồn lực đất đai. Kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan lĩnh vực quản lý đất đai của các doanh nghiệp sử dụng đất trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Tài nguyên nước, khoáng sản

- Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh và Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động thăm dò, khai thác, kinh doanh, vận chuyển cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức cấp phép thăm dò, khai thác, đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định; rà soát, thông báo việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc khai thác cát sông phục vụ các công trình giao thông trọng điểm khu vực phía Nam; kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; thực hiện nhiệm vụ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu và quản lý hoạt động địa chất khoáng sản; tập trung tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

- Duy trì cập nhật cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước và vận hành có hiệu quả Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; tổ chức và quản lý chặt chẽ mạng quan trắc, giám sát tài nguyên nước; xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với các công trình khai thác tài nguyên nước; điều chỉnh Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh; cấp phép khai thác tài nguyên nước và tổ chức tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản của các tổ chức, cá nhân theo quy định; nâng cao chỉ tiêu nước sinh hoạt nông thôn.

- Xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi việc thăm dò, đánh giá trữ lượng, chất lượng cát biển; quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

13. Công tác nội chính, cải cách hành chính, tổ chức bộ máy

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao năng lực quản lý, điều hành phục vụ phát triển. Cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; kiên quyết khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ sai, sợ trách nhiệm.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, chuyên môn sâu, phẩm chất đạo đức tốt; thực hiện cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tổ chức thực hiện Luật Cán bộ, công chức và các nghị định hướng dẫn; hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh để triển khai đồng bộ, thống nhất. Triển khai chính sách tiền lương, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026; phê duyệt phương án sắp xếp, bố trí nhân sự cho 102 xã, phường mới sau sáp nhập.

- Tiếp tục tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; kịp thời phân cấp, phân quyền cho địa phương theo quy định; xử lý dứt điểm các điểm nghẽn trong chỉ đạo, điều hành ở cấp xã. Tiếp tục rà soát, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết 19-NQ/TW, gắn với Nghị định 150/2025/NĐ-CP; tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ theo vị trí việc làm.

- Tổ chức chu đáo, nghiêm túc cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; bảo đảm dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm. Rà soát, hoàn thiện hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính sau sắp xếp; thực hiện phân loại đơn vị hành chính các cấp theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Tiếp tục thẩm định, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; sắp xếp các ấp, khóm, khu phố theo quy định.

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính toàn diện; xây dựng, triển khai Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026; kiểm tra, đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của các sở, ngành, địa phương; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và công vụ. Chuyển đổi số trong quản lý hành chính nhà nước, nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, liên thông dữ liệu giữa các cấp.

- Thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền, phát huy dân chủ ở cơ sở; phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng theo tinh thần Chỉ thị 41-CT/TW; phát động phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và các sự kiện chính trị trọng đại. Bảo đảm công tác khen thưởng chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch, tạo động lực lan tỏa trong toàn hệ thống hành chính.

14. Công tác thanh tra, kiểm tra; xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

a) Công tác thanh tra, kiểm tra

Bám sát và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, từng lĩnh vực, phù hợp với định hướng chương trình thanh tra năm 2026 của Thanh tra Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương. Xây dựng và triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2026 bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp; triển khai, tổ chức thực hiện một cách chủ động, linh hoạt, phù hợp với diễn biến tình hình kinh tế - xã hội, bảo đảm hiệu quả, đạt **100%** kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra đã được phê duyệt và các cuộc thanh, kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền; theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện kết luận thanh tra đạt ít nhất **80%** theo đúng thời gian quy định; triển khai, thanh tra diện rộng và đột xuất của cơ quan có thẩm quyền giao; xử lý kịp thời, đúng pháp luật **100%** các vụ liên quan đến hành vi tham nhũng phát hiện qua công tác thanh tra.

b) Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo (KNTC) bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện công tác tiếp công dân định kỳ của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp xã; nắm bắt kịp thời các chủ trương, chính sách, các dự án đầu tư có tác động tới quyền lợi của người dân, dự báo và đề xuất các giải pháp phòng ngừa phát sinh KNTC; tập trung xử lý các vụ việc KNTC thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, phần đầu đạt tỷ lệ trên **85%**; thực hiện tốt các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật, phần đầu đạt tỷ lệ trên **90%**.

- Tăng cường thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng các ngành, Chủ tịch UBND cấp xã trong thực hiện pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết KNTC; chú trọng công tác vận động, đối thoại trước khi ban hành quyết định giải quyết; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, thiếu trách nhiệm, củng cố kỷ cương, kỷ luật trong công tác giải quyết KNTC.

c) Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

- Triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng tiêu cực; các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, nhất là công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (*mua sắm tài sản, quy hoạch, đấu thầu...*); kiểm soát tài sản, thu nhập; chuyển đổi vị trí công tác; thực hiện quy tắc ứng xử¹⁹, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; xây dựng và thực

¹⁹ Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương; Thông tư số 01/2021/TT-

hiện tốt các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính.

- Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước và hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về PCTNTC; duy trì, thực hiện kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng của Chính phủ, theo dõi kết quả triển khai kế hoạch của UBND tỉnh và Chương trình hành động của Tỉnh ủy về PCTNTC; phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc cung cấp thông tin cho báo chí để góp phần thực hiện có hiệu quả hơn công tác PCTNTC; tiếp tục tổ chức, triển khai thực hiện tốt *“Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN đối với UBND cấp Tỉnh”* nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PCTNTC tại địa phương.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, địa phương trong thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực gắn với ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện *“tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”* trong nội bộ; tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm về PCTNTC chủ động phối hợp với cơ quan chức năng trong tiếp cận thông tin, phản ánh đa chiều về những biểu hiện tham nhũng để kịp thời phát hiện, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

15. Nâng cao hiệu quả công tác tư pháp

- Xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) và tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật. Đổi mới, đa dạng nội dung, hình thức phổ biến giáo dục pháp luật; tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân, gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. Triển khai hiệu quả pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; kịp thời hướng dẫn những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng các dịch vụ công trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý. Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ có hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành công tác tư pháp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao năng lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành và phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Xây dựng và ban hành VBQPPL của địa phương bảo đảm kịp thời, đúng quy định của pháp luật, phù hợp tình hình thực tế và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước của địa phương. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định VBQPPL; thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, rà soát VBQPPL. Hướng dẫn, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc kiến

TTCP ngày 11/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức trong ngành thanh tra và cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân; Quyết định số 1631/QĐ-UBND-HC ngày 28/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp về ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan Đảng, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

ngiht, đề xuất Bộ, ngành Trung ương kịp thời có biện pháp, giải pháp khắc phục các khó khăn, vướng mắc của địa phương.

16. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh biên giới; tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

a) Công tác quốc phòng, an ninh

Quán triệt, thực hiện nghiêm đường lối quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh trên các địa bàn trọng điểm. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, có bản lĩnh chính trị, kỷ luật và sức chiến đấu cao theo hướng “*Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại*”; hoàn thiện thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân trong khu vực phòng thủ. Kiện toàn Ban Chỉ đạo khu vực phòng thủ tỉnh, củng cố tiềm lực chính trị - tinh thần, kinh tế, khoa học - công nghệ, quân sự và đối ngoại; xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh, tạo nền tảng cho khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới. Tuyên truyền, giáo dục quốc phòng - an ninh, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, chính sách dân tộc, tôn giáo, chế độ đối với người có công, gia đình chính sách.

b) Công tác an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ; ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng Công an nhân dân; tăng cường phối hợp giữa các ngành, các cấp trong phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm có tổ chức, “*tín dụng đen*”, tội phạm công nghệ cao, ma túy, tệ nạn xã hội; nâng cao hiệu quả điều tra, xử lý tin báo, bảo đảm tỷ lệ khám phá án nghiêm trọng **trên 90%**. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu “*diễn biến hòa bình*”, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”; bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh mạng, an ninh kinh tế, bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa lớn trên địa bàn. Đẩy mạnh triển khai Đề án 06/CP về ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia; cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến. Phát động phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; nhân rộng các mô hình tự quản, tự phòng, tự bảo vệ, tự hòa giải tại cơ sở.

c) Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế

Triển khai hiệu quả công tác đối ngoại của tỉnh theo đường lối của Đảng và Nhà nước; mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương trong nước và quốc tế, nhất là với các tỉnh giáp biên giới Campuchia. Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, văn hóa, nhân dân; quảng bá hình ảnh Đồng Tháp năng động, thân thiện, nghĩa tình; tăng cường phối hợp với các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để

thu hút đầu tư, thương mại và du lịch. Quản lý biên giới, bảo đảm an ninh trật tự khu vực biên giới, giữ gìn quan hệ hữu nghị, hợp tác bền vững với chính quyền và nhân dân các tỉnh giáp biên.

(Chỉ tiêu ngành, lĩnh vực tại Phụ lục III kèm theo)

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch Tỉnh và các quy hoạch có liên quan

- Hoàn thành công tác điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất trong định hướng phát triển, bảo đảm theo quy định của pháp luật, Luật Quy hoạch sửa đổi, xác định lại định hướng không gian, các động lực tăng trưởng, các mục tiêu ưu tiên và tầm nhìn mới, bố trí nguồn lực và cơ sở hạ tầng một cách hợp lý, nhằm khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của tỉnh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Tỉnh nhanh và bền vững. Công bố, công khai Quy hoạch điều chỉnh và triển khai các quy hoạch có liên quan.

- Lập, cập nhật, điều chỉnh các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và nông thôn, kỹ thuật chuyên ngành theo các hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, bảo đảm tính đồng bộ với Quy hoạch tỉnh. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư, đất đai, môi trường và xây dựng; thực hiện công khai minh bạch các dự án kêu gọi đầu tư, quy hoạch, kế hoạch và thủ tục hành chính đã được phê duyệt. Bảo đảm cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình và các thủ tục liên quan được thực hiện đúng quy định, minh bạch và hiệu quả.

2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Tiếp tục tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, chú trọng vào các mô hình nông nghiệp hữu cơ, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu tác động môi trường. Triển khai Đề án “*Xây dựng Đồng Tháp thành tỉnh tiên phong về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại đến năm 2030*”. Thúc đẩy chuyển đổi sang kinh tế nông nghiệp thông minh, hiện đại hóa sản xuất, đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ xanh trong sản xuất. Khuyến khích phát triển nông nghiệp số, hữu cơ, tuần hoàn và các mô hình nông nghiệp đa giá trị, gắn kết bảo vệ tài nguyên đất, nước và bảo tồn đa dạng sinh học. Triển khai hiệu quả Đề án “*Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030*”.

- Mở rộng vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, sản xuất nông sản an toàn, hữu cơ gắn với chứng nhận mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc. Tăng cường liên kết chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực như: thanh long, sầu riêng,

xoài, cá tra, lúa gạo, hoa kiểng. Đầu tư hạ tầng nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai (*nhất là sạt lở bờ biển, bờ sông*) và kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Triển khai kịp thời và hiệu quả Kết luận của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế biển tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030. Phấn đấu xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2026 - 2030; duy trì, nâng cao chất lượng, tính bền vững của các tiêu chí nông thôn mới sau khi đạt chuẩn và giám sát việc sử dụng nguồn lực để thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Triển khai kịp thời và hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp giai đoạn 2025 - 2030, tập trung phát triển công nghiệp có lợi thế, giá trị gia tăng cao để tạo động lực tăng trưởng nhanh ngành công nghiệp. Duy trì và phát triển các ngành sản xuất hiện có quy mô lớn phục vụ xuất khẩu, có lợi thế phát triển như: chế biến nông, thủy sản, thực phẩm, dệt may, da giày, túi xách, và các sản phẩm tiêu dùng. Thu hút đầu tư vào các ngành kỹ thuật như: điện, điện tử, cơ khí, công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến sâu.

- Đầu tư kết cấu hạ tầng (*giao thông, cấp điện, cấp nước...*) để tăng cường thu hút nguồn lực đầu tư. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư hạ tầng trong quá trình triển khai thực hiện như: KCN Tân Phước 1, KCN Bình Đông, KCN Dịch vụ dầu khí Soài Rạp, KCN Tân Kiều, CCN Thạnh Tân,... Tiếp tục triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng cửa khẩu Quốc tế Thường Phước và cửa khẩu Mộc Rá thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp, dự án đầu tư Hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu giai đoạn 3; triển khai lập đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp đến năm 2045. Hoàn thiện quy hoạch và mời gọi đầu tư hạ tầng cho các KCN: Tân Phước 2, Tân Phước 3, Tân Phước 4...

- Phát triển thương mại - dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại, tập trung thúc đẩy thị trường trong nước, tăng cường ứng dụng thương mại điện tử, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng và đa dạng hóa thị trường. Đồng thời, duy trì tốc độ tăng trưởng của các sản phẩm xuất khẩu chủ lực như: công nghiệp nhẹ, thủy sản, gạo, trái cây và nông sản, phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao và tiềm năng xuất khẩu cao. Phát triển thị trường xuất khẩu theo hướng đa phương, đa dạng hóa, giữ vững thị phần tại các thị trường truyền thống và khai thác các thị trường mới tiềm năng. Tăng cường xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm địa phương, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường quốc tế.

- Triển khai kịp thời và hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về định hướng phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030, gắn với triển khai các nhiệm vụ trọng tâm thuộc Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 16/01/2017 về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn kinh tế mũi nhọn. Tập trung phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch theo hướng xanh, bền vững,

gắn với định vị thương hiệu du lịch của tỉnh Đồng Tháp, đồng thời, khai thác tiềm năng du lịch đặc thù, phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước, tập trung tạo nguồn thu ngân sách ổn định, hướng tới tự cân đối ngân sách. Triển khai các giải pháp thu ngân sách nhà nước kịp thời, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã. Xử lý nhanh chóng các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, bảo đảm các khoản chi được giải ngân và thanh toán hiệu quả. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030, Kế hoạch đầu tư công 2026, phấn đấu giải ngân Kế hoạch đầu tư công 2026 đạt **100%**.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định về lãi suất, tăng trưởng nguồn vốn huy động để tạo nguồn vốn cho vay. Tăng trưởng tín dụng (*tín dụng thương mại và tín dụng chính sách*) phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng; tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các chương trình tín dụng ưu đãi theo chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các động lực tăng trưởng của các ngành, lĩnh vực kinh tế. Thường xuyên đánh giá nợ xấu, bảo đảm khách quan, tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động tín dụng; tăng cường kiểm tra, kiểm soát nội bộ, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ theo quy định.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư; thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp; củng cố và phát triển kinh tế tập thể. Huy động các nguồn lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức thực hiện các giải pháp đẩy mạnh cải cách toàn diện và quyết liệt về môi trường đầu tư, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư một cách đồng bộ và hiệu quả. Rà soát hồ sơ chủ trương đầu tư và tổ chức đánh giá xét chọn các nhà đầu tư; khẩn trương tổ chức đấu giá các khu đất công để mời gọi các dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, nhằm vừa thực hiện mục tiêu thu hút đầu tư, vừa tạo nguồn thu cho ngân sách để bố trí vốn cho các dự án đầu tư công.

- Triển khai kịp thời và hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Đồng Tháp, gắn với triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Đồng thời, tăng cường gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp qua nhiều kênh khác nhau nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp, nhà đầu tư, hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất...

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển giáo dục và đào tạo; thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Triển khai kịp thời và hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, cùng Nghị quyết của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2025 -

2030. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhất là phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên, quan trọng...; có chính sách hỗ trợ đào tạo phù hợp trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển, khoa học cơ bản. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục; tiếp tục thực hiện đổi mới giáo dục theo hướng mở, liên thông, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục; bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo;... Tăng cường công tác tự đánh giá, giao quyền tự chủ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo. Nâng cao năng lực ngoại ngữ cho người học, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hóa, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh.

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ, kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, thành phần kinh tế. Đẩy mạnh xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu trên các lĩnh vực, nhất là cơ sở dữ liệu về đất đai, khoáng sản, đưa dữ liệu thành tài nguyên. Tập trung triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phục vụ Đề án tái cơ cấu ngành kinh tế, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, ngành công nghiệp, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng nhanh tỷ trọng đóng góp của khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường hợp tác, nghiên cứu về lĩnh vực khoa học và công nghệ với các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước, các trường đại học có uy tín; tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo của tỉnh (PII).

4. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển; tăng cường liên kết phát triển nội tỉnh và liên vùng

- Triển khai kịp thời và hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển hạ tầng giao thông tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030. Tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật tiến đến đồng bộ, hiện đại, nhất là công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng, các dự án có tính liên kết vùng và hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyển đổi số. Tăng cường phối hợp với cơ quan thuộc Trung ương để đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án Trung ương đầu tư trên địa bàn Tỉnh, để sớm hoàn thành như: Dự án Tuyến đường bộ Cao Lãnh - An Hữu (dự án thành phần 1 và 2), Dự án Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua

địa phận tỉnh Đồng Tháp kết nối với tỉnh Tây Ninh và tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 1), Dự án cao tốc tuyến Mỹ An - Cao Lãnh; mời gọi đầu tư các công trình: Trục đô thị Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh - Đồng Tháp, đường Hùng Vương nối dài... Hoàn thành các dự án trọng điểm của tỉnh như: Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền); Đường giao thông hai bên bờ sông Bảo Định; Nâng cấp mở rộng các Đường tỉnh 861, 863, 869; Đường tỉnh 857 (đoạn QL.30 - ĐT.845), dự án ĐT.845... Tiếp tục triển khai các dự án công trình trọng điểm của tỉnh đã phê duyệt bảo đảm tiến độ theo kế hoạch, tạo thuận lợi trong việc giao thông đi lại của người dân, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đồng thời, chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình giao thông trọng điểm giai đoạn 2026 - 2030.

- Hỗ trợ các nhà đầu tư mở rộng quy mô, nâng cấp các dự án hạ tầng thương mại đang hoạt động hiệu quả. Tăng cường xúc tiến đầu tư để mời gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước với các cơ chế, chính sách, điều kiện ưu đãi; khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có của ngành thương mại. Đầu tư phát triển chợ đầu mối, chợ nông thôn, xúc tiến các chương trình khuyến khích xã hội hóa, thu hút đầu tư trong và ngoài nước về xây dựng và phát triển chợ đầu mối. Phát triển các cửa hàng tiện ích để cùng với chợ truyền thống trở thành hạt nhân ở các khu thương mại - dịch vụ tổng hợp tại các xã, phường, khu tập trung dân cư, để vừa bảo đảm các yêu cầu hiện đại, vừa mang bản sắc văn hóa kinh doanh truyền thống.

- Thực hiện có hiệu quả về liên kết tiểu vùng, phát triển nội vùng, liên vùng trong và ngoài Tỉnh. Tập trung nguồn vốn ngân sách địa phương để xây dựng công trình giao thông; huy động tối đa nguồn lực trong Nhân dân để xây dựng đường giao thông nông thôn, thực hiện đa dạng hóa các hình thức đầu tư, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư. Tiếp tục triển khai kế hoạch bảo trì, sửa chữa và bảo đảm an toàn kết cấu hạ tầng giao thông...

- Xây dựng hạ tầng thông tin đồng bộ, hiện đại, bảo đảm triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực. Triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh. Ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp chặt chẽ với đẩy mạnh cải cách hành chính xây dựng Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh nhằm phục vụ tổ chức, doanh nghiệp, công dân và ứng dụng công nghệ thông tin thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước phát triển Công viên phần mềm Mekong tạo điểm nhấn quan trọng trong phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, nguồn nhân lực của ngành thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh. Đổi mới, đa dạng hóa dịch vụ bưu chính, củng cố nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh; chuyển dần các dịch vụ bưu chính truyền thống sang tham gia phát triển dịch vụ chuyển phát hàng cho thương mại

điện tử và hỗ trợ dịch vụ công, đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, khai thác và cung cấp các dịch vụ bưu chính. Hướng đến bưu chính là hạ tầng chuyển phát và logistics cho thương mại điện tử.

5. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tập trung nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân

- Tiếp tục củng cố, nâng chất phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” có chiều sâu, thiết thực, hiệu quả gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đẩy mạnh công tác xây dựng đời sống văn hóa, các hoạt động văn hóa thông tin, đưa thông tin về cơ sở nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân vùng sâu, vùng xa và công nhân ở các khu, cụm công nghiệp. Tiếp tục duy trì tập luyện, giữ vững và ổn định về chuyên môn các đội thể thao thành tích cao.

- Triển khai kịp thời và hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị là nghị quyết về các giải pháp đột phá nhằm tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, chất lượng dân số. Tuyên truyền và vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; thực hiện chăm sóc liên tục và toàn diện cho người bệnh; xây dựng chương trình cải thiện chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Giáo dục y đức, dược đức và quy chế ứng xử cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành y tế. Đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống y tế tuyến tỉnh, nhất là Bệnh viện đa khoa khu vực; tăng cường thu hút đầu tư các cơ sở y tế tư nhân. Củng cố hệ thống tổ chức y dược cổ truyền từ tỉnh đến cơ sở. Vận hành tốt Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang 1.000 giường và Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp 700 giường; nâng cao năng lực các bệnh viện chuyên khoa; thiết lập lại hệ thống chuyển tuyến trong khám bệnh, chữa bệnh; chú trọng phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo đến năm 2030. Quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu giảm nghèo đã đề ra; bảo đảm kết quả giảm nghèo thật sự bền vững. Khơi dậy ý thức tự chủ, vươn lên thoát nghèo, loại bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách của Nhà nước, sử dụng hiệu quả nguồn lực của nhà nước, của cộng đồng để vươn lên thoát nghèo. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phát triển nhà ở xã hội, đồng thời hỗ trợ người có công và đối tượng yếu thế từ nguồn xã hội hóa. Phát triển nhà ở xã hội theo chủ trương của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24 tháng 5 năm 2024, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu nhà ở xã hội theo chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và toàn diện, cải thiện mức sống của người dân, nhất là đối với vùng nông thôn, biên giới.

6. Tăng cường quản lý tài nguyên, thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống dịch bệnh, thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Triển khai kịp thời và hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, khai thác nguồn lực đất đai tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2025 - 2030.

- Quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước, biển, khoáng sản và bảo vệ môi trường; thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh; chủ động thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu; cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân; tập trung xử lý nước thải, chất thải rắn khí thải ở các khu, cụm công nghiệp, các chợ, khu dân cư tập trung. Thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường bền vững.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Tỉnh nhằm bảo đảm nguồn cung ứng cát san lấp, đất đắp phục vụ các công trình đầu tư xây dựng cơ bản; đồng thời bảo đảm cung ứng ổn định vật liệu san lấp cho các dự án đầu tư của người dân và khu vực tư nhân trên địa bàn Tỉnh. Thực hiện nghiêm Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật đối với hoạt động thăm dò, khai thác, kinh doanh, vận chuyển cát, sỏi lòng sông trên địa bàn Tỉnh.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách, cơ sở pháp lý về bảo vệ môi trường; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường. Xử lý các điểm gây ô nhiễm môi trường bức xúc ở địa phương. Tổ chức thẩm định chặt chẽ, đúng pháp luật tất cả các thủ tục hành chính môi trường làm căn cứ pháp lý yêu cầu chủ dự án, chủ cơ sở thực hiện trách nhiệm về bảo vệ môi trường. Thực hiện các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ tác động biến đổi khí hậu đối với các ngành, lĩnh vực và các khu vực trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng; giám sát chặt chẽ chất lượng môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở y tế, sản xuất nông nghiệp. Triển khai có hiệu quả mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn; kiểm soát tốt việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Chủ động triển khai các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, tăng khả năng dự báo, cảnh báo sớm thiên tai; ưu tiên vốn cho các công trình giao thông, thủy lợi đa mục tiêu.

7. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công tác tư pháp, pháp chế; tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công tác tư pháp, pháp chế. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng

yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Thực hiện có hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Triển khai công tác kiểm tra, rà soát văn bản bảo đảm chất lượng, hiệu quả, kịp thời, gắn với công tác xây dựng pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ về chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật. Nâng cao vai trò của đội ngũ pháp chế. Tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó tập trung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Tăng cường hiệu quả thanh tra, kiểm tra và phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện đầy đủ kế hoạch thanh tra theo đúng quy trình, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm, đồng thời kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách và chuyển cơ quan điều tra các vụ việc có dấu hiệu tội phạm. Chủ động khắc phục tình trạng chùng chéo giữa thanh tra, kiểm toán, kiểm tra theo quy định mới của Luật Thanh tra 2025. Triển khai đồng bộ các chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh ủy về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tăng cường phối hợp giữa thanh tra với kiểm tra, giám sát để nâng cao hiệu quả ngăn ngừa sai phạm. Thực hiện nghiêm quy định về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; nắm chắc tình hình, giải quyết dứt điểm các vụ việc ngay từ cơ sở, không để phát sinh điểm nóng; đồng thời đẩy mạnh phối hợp giữa các cơ quan, địa phương trong xử lý các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài.

8. Xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, kỷ luật, kỷ cương nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước

- Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính nhà nước khi giải quyết công việc, đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các Quy chế làm việc để bảo đảm sự minh bạch, hiệu quả trong công tác hành chính.

- Thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. Tăng cường phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy một cách tinh gọn, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp cải thiện PCI, PAPI, PAR Index, SIPAS; cắt giảm tối đa thủ tục, chi phí không chính thức; bảo đảm công khai, minh bạch quy hoạch, đất đai, đầu tư. Yêu cầu các sở, ngành cam kết KPI hằng năm về cải cách hành chính và tiến độ xử lý hồ sơ.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, hoàn thiện bộ máy quản lý, điều hành để phục vụ phát triển. Kịp thời tháo

gỡ khó khăn, khắc phục những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo trong các quy định liên quan đến hoạt động của bộ máy mới, nhất là ở cấp cơ sở. Tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc về nguồn lực, nhân lực, cơ sở vật chất, quy hoạch, chuyển đổi số, hệ thống cơ sở dữ liệu; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường kiểm tra, giám sát; phát huy tính chủ động, tự chủ, kiến tạo phát triển của địa phương trong chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền. Phát triển, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm bộ máy tinh gọn, mạnh, hiệu lực, hiệu quả, đo bằng mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

- Hoàn thiện, đưa vào khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia. Xây dựng các giải pháp đột phá, khả thi để nâng cao năng lực tham mưu chiến lược, nhất là đội ngũ cán bộ của các cơ quan, đơn vị tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn mới. Thực hiện đánh giá cán bộ theo tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPI). Triển khai hiệu quả cơ chế thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đối với người có tài năng. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ, công chức.

9. Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh; trật tự, an toàn xã hội và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc; tăng cường khả năng phòng thủ; chủ động ngăn chặn hiệu quả các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Kịp thời phát hiện, chủ động ứng phó, xử lý hiệu quả các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng. Tập trung trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, sự kiện chính trị, văn hóa, đối ngoại quan trọng của đất nước, địa phương. Tiếp tục quán triệt, nghiêm túc triển khai các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong công tác phòng, chống tội phạm, buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Tăng cường công tác đối ngoại, chú trọng bảo đảm an ninh khu vực biên giới.

- Triển khai kịp thời và hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW. Tiếp tục tăng cường các quan hệ hợp tác với các tổ chức Liên hiệp quốc, các cơ quan đại diện ngoại giao

các nước tại Việt Nam, nhất là các nước lớn, các nước láng giềng và cộng đồng ASEAN; duy trì quan hệ hợp tác với các chính đảng và chính quyền các tỉnh, thành các nước mà tỉnh đã ký kết quan hệ hợp tác. Nâng cao hiệu quả vận động và tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài qua việc thường xuyên rà soát và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý và chủ động xây dựng các dự án kêu gọi tài trợ theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước, giám sát và đánh giá hiệu quả các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

10. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo đồng thuận trong xã hội

Thực hiện tốt công tác dân vận, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, các chương trình, đề án trọng tâm của tỉnh góp phần tạo đồng thuận xã hội. Tổ chức thực hiện tốt công tác thông tin chính xác, kịp thời về các cơ chế, chính sách, sự chỉ đạo điều hành của Trung ương và địa phương. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền các ngày lễ lớn, các sự kiện của tỉnh. Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo đảm an ninh mạng, kịp thời ngăn chặn, xử lý hành vi lợi dụng mạng tin nhắn, internet vi phạm các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, xâm phạm bí mật, đời tư công dân, tuyên truyền các thông tin thất thiệt, bịa đặt, ảnh hưởng xấu đến dư luận; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm.

Trên đây là báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban KTNS; Ban VHXH, Ban PC HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường;
- VPUB: CVP và các PCVP, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, P.TH_(nmthu).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng



Phụ lục I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 297 /BC-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	
					Ước thực hiện	So với Kế hoạch năm 2025
I	KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (giá so sánh năm 2010)	%	7,1	8,0 trở lên	Phấn đấu đạt 8,0 ^(**)	Đạt
	Nông - lâm - thủy sản	%	3,5	4,0	4,0	
	Công nghiệp và xây dựng	%	11,9	12,0	12,0	
	. Công nghiệp	%	12,4	11,5	11,5	
	. Xây dựng	%	9,9	14,23	14,23	
	Dịch vụ	%	7,3	9,15	9,15	
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	6,5	6,5	6,5	
*	Cơ cấu kinh tế					

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	
					Ước thực hiện	So với Kế hoạch năm 2025
	Khu vực nông - lâm - thủy sản	%	36,2	34,9	34,9	
	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	24,1	25,1	25,1	
	Khu vực dịch vụ	%	34,0	34,4	34,4	
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	5,7	5,6	5,6	
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	76,5	85,5	Phần đầu đạt 85,5	Đạt
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	74.325	85.500	83.297	Không đạt
	<i>Bình quân so với GRDP</i>	%	28,5	29,4	28,6	
4	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	9.098	9.200	9.208	Vượt
5	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	21.630	20.685	21.842	Vượt
6	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	46.343	43.831,8	39.248	Không đạt
7	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	DN	1.593	1.800	2.500	Vượt
8	Số hợp tác xã	HTX	24	12	12	Đạt

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	
					Ước thực hiện	So với Kế hoạch năm 2025
II	XÃ HỘI					
9	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%	36,5	35,0	35,0	Đạt
10	Giải quyết việc làm	Lao động	57.953	50.000	55.000	Vượt
	<i>Đưa lao động làm việc ở nước ngoài</i>	<i>Lao động</i>	2.778	2.550	2.550	Đạt
11	Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%		< 4	< 4	Đạt
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	69,8	70,0	72,0	Vượt
	<i>Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	46,4	35,0	36,5	<i>Vượt</i>
13	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95,0	95,0	95,0	Đạt
14	Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	25,4	29,5	29,5	Đạt
15	Giảm nghèo					Đạt

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	
					Ước thực hiện	So với Kế hoạch năm 2025
	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025)	%	Giảm 0,3 điểm %	Giảm 0,12 điểm %	Giảm 0,12 điểm %	Đạt
	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	0,9	0,81	0,81	Đạt
16	Y tế					Đạt
	Số bác sĩ/vạn dân	BS	8,8	9,0	9,13	Vượt
	Số giường bệnh/vạn dân	GB	27,0	28,0	28,0	Đạt
	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	8,5	$\leq 10,87$	8,19	Vượt
	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	0,65	$< 9,1$	0,76	Vượt
	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	0,99	$< 10,6$	1,2	Vượt
17	Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi					Đạt
	Nhà trẻ	%	21,5	22,0	27,7	Vượt
	Mẫu giáo	%	87,5	88,4	91,5	Vượt

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	
					Ước thực hiện	So với Kế hoạch năm 2025
	<i>Tiểu học</i>	%	100,0	100,0	100,0	Đạt
	<i>THCS</i>	%	97,5	99,0	99,1	Đạt
	<i>THPT và tương đương</i>	%	78,5	84,0	84,0	Đạt
18	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia					Đạt
	<i>Mầm non</i>	%	70,1	73,5	75,5	Vượt
	<i>Tiểu học</i>	%	74,1	75,0	76,6	Vượt
	<i>THCS</i>	%	68,8	73,2	73,2	Đạt
	<i>THPT</i>	%	77,0	80,0	80,0	Đạt
19	Tỉnh Đồng Tháp được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Đơn vị		Đạt	Đạt	Đạt
III	MÔI TRƯỜNG					
20	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100,0	100,0	100,0	Đạt

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	
					Ước thực hiện	So với Kế hoạch năm 2025
	<i>Trong đó: Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn chất lượng nước sinh hoạt</i>	%	94,0	97,5	97,53	Vượt
21	Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn chất lượng nước sinh hoạt	%	99,8	99,8	99,8	Đạt
22	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý	%	96,46	97,15	97,15	Đạt
23	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường	%	21,9	> 97	> 97	Đạt
24	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100,0	100,0	100,0	Đạt

Ghi chú: (*) Theo Công văn 1266/CTK-TKQG ngày 08/7/2025 của Cục Thống kê: Ước tính Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tỉnh Đồng Tháp cả năm 2025 - lần 1 là 7,2%, trong đó, khu vực dịch vụ tăng 7,8%, khu vực nông - lâm - thủy sản tăng 3,9%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 11,1%. Cục Thống kê (Bộ Tài chính) đang tiến hành thu thập dữ liệu đầu vào, để ước tính tăng trưởng quý IV, cả năm 2025 - lần 2 (Công văn số 17809/BTC-CTK ngày 17/11/2025). Dự kiến sẽ công bố vào đầu tháng 12 năm 2025, UBND tỉnh sẽ cập nhật, đánh giá bổ sung báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh vào cuối năm. Mức tăng trưởng 8% được xác định là nền tảng cho kế hoạch năm 2026, bảo đảm tính nhất quán với định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 và phù hợp với các mục tiêu, chỉ tiêu đã nêu trong Báo cáo chính trị trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh.



Phụ lục II
CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 297 /BC-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 <i>(đến năm 2030)</i>	Kế hoạch năm 2026
I	KINH TẾ				
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (giá so sánh năm 2010)	%	Phấn đấu đạt 8,0	Bình quân 9,0	8,0 - 8,5
	Nông - lâm - thủy sản	%	4,0		4,0 - 4,5
	Công nghiệp và xây dựng	%	12,0		13,1 - 13,9
	. Công nghiệp	%	11,5		12,5 - 13,0
	. Xây dựng	%			
	. Dịch vụ	%	9,15		8,1 - 8,3
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	6,5		5,5 - 6,5
*	Cơ cấu kinh tế				
	Khu vực nông - lâm - thủy sản	%	34,9		33,5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 (đến năm 2030)	Kế hoạch năm 2026
	Khu vực Công nghiệp - Xây dựng	%	25,1		26,4
	Khu vực dịch vụ	%	34,4		34,5
	Thuế sản phẩm	%	5,6		5,6
*	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	85,5	150 - 154	93,5 - 94,0
2	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	70,7	115 - 120	78,3
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	83.297	702.000	93.280 - 94.500
	<i>Bình quân so với GRDP</i>	%	28,6	33	28,9 - 29,1
4	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	21.842	146.058 (tăng 10%/năm)	23.710 ^(*) (tăng 8,5%)
5	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	39.248		37.999
6	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	9.208	14,8	10.000
7	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	DN	2.500	22.500	3.000

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 (đến năm 2030)	Kế hoạch năm 2026
8	Số hợp tác xã	HTX	12		20
	Tổng số hợp tác xã hoạt động	HTX	526		541
II	XÃ HỘI				
9	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%	35,0		< 33
10	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo chuẩn giai đoạn 2026 - 2030	%			15
11	Giải quyết việc làm	Lao động	55.000	250.000 (bình quân 50.000)	50.000
	<i>Đưa lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng</i>	<i>Lao động</i>	<i>2.550</i>		<i>2.200</i>
12	Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	< 4		< 4
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	72,0	82,5	74,2
	<i>Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	<i>36,5</i>	<i>43,5</i>	<i>38,2</i>

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 (đến năm 2030)	Kế hoạch năm 2026
14	Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	29,5	> 35	31,0
15	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95,0	100	96,0
16	Giảm nghèo			Không còn hộ nghèo	
	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025)	%	Giảm 0,12 điểm %		Giảm 0,12 điểm %
	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	0,81	0	0,69
17	Y tế				
	Số bác sĩ/vạn dân	BS	9,13	11	9,2
	Số giường bệnh/vạn dân	GB	28,0	32	28,6
	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	8,19	≤ 7,98	< 8,1
18	Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi				
	Nhà trẻ	%	27,7		30,0

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 (đến năm 2030)	Kế hoạch năm 2026
	Mẫu giáo	%	91,5		92,0
	Tiểu học	%	100,0		100,0
	Trung học cơ sở	%	99,1		99,2
	Trung học phổ thông và tương đương	%	84,0		81,0
19	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia			100	
	Mầm non	%	75,5	100	81,0
	Tiểu học	%	76,6	100	80,0
	Trung học cơ sở	%	73,2	100	78,0
	Trung học phổ thông và tương đương	%	80,0	100	85,0
20	Nhà ở xã hội	Căn	863	12.224	1.605
III	MÔI TRƯỜNG				
21	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100,0		100,0

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 (đến năm 2030)	Kế hoạch năm 2026
	<i>Tr đó: Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn chất lượng nước sinh hoạt</i>	%	97,53	99	98,1
22	Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn chất lượng nước sinh hoạt	%	99,8		99,85
23	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý	%	97,15	> 99	97,6
24	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường	%	> 97	100	> 97,5
25	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100,0		100,0

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu sẽ cập nhật theo Nghị quyết về Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Phụ lục III

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2025, KẾ HOẠCH NĂM 2026

(Đính kèm theo Báo cáo số 297 /BC-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	ƯTH 2025 so với TH 2024 (%)	ƯTH 2025 so với KH 2025 (%)	Kế hoạch	So với KH 2025 (%)	So với ƯTH 2025 (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
I	TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ									
1	Giá trị GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	260.859	287.341,5	291.091	111,6	Vượt	323.506 - 325.061		111,1 - 111,7
	- Khu vực Nông - lâm - thủy sản	Tỷ đồng	94.442	100.233,5	101.657	107,6	Vượt	108.367 - 108.888		106,6 107,1
	- Khu vực Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	62.923	72.274,4	72.945	115,9	Vượt	85.291 - 85.962		116,9 117,8
	. Trong đó Công nghiệp	Tỷ đồng	51.817	59.920,9	59.682	115,2	Không đạt	69.358 - 69.667		116,2 116,7
	- Khu vực Dịch vụ	Tỷ đồng	88.679	98.890,4	100.178	113,0	Vượt	111.843 - 112.246		110,1 110,4
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	14.815	15.943,1	16.311	110,1	Vượt	17.964,9 - 18.005,9		111,6 112,0
2	Cơ cấu GRDP (giá hiện hành)	%	100,0	100,0	100,0		Đạt	100,0		
	- Khu vực Nông - lâm - thủy sản	%	36,2	34,9	34,9	Giảm 1,3 điểm %		33,5		95,9
	- Khu vực Công nghiệp và xây dựng	%	24,1	25,1	25,1	Tăng 0,9 điểm %		26,4		105,4
	. Trong đó Công nghiệp	%	19,9		20,5	Tăng 0,6 điểm %		21,9		
	- Khu vực Dịch vụ	%	34,0	40,0	34,4	Tăng 0,4 điểm %		34,5		100,2
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	5,7		5,6	Giảm 0,1 điểm %		5,6		99,9

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	U' TH 2025 so với TH 2024 (%)	U' TH 2025 so với KH 2025 (%)	Kế hoạch	So với KH 2025 (%)	So với U' TH 2025 (%)
8	Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	21.630,0	20.685,0	21.842,0	101,0	Vượt	23.709,6	114,6	108,6
	- Thu nội địa	Tỷ đồng	20.775,0	19.865,0	20.960,0	100,9	Vượt	22.976	115,7	109,6
	. Thu từ tiền sử dụng đất	Tỷ đồng	2.580,0	2.550,0	2.200,0	85,3	Không đạt	2.300	90,2	104,5
	. Thu từ xổ số kiến thiết	Tỷ đồng	4.177,0	4.150,0	4.335,0	103,8	Vượt	4.635	111,7	106,9
	- Thu NS địa phương hưởng theo phân cấp	Tỷ đồng	19.678,0	18.244,0	19.846,5	100,9	Vượt	21.371,3	117,1	107,7
	. Thu NS địa phương hưởng 100%	Tỷ đồng	9.228,0	8.391,0	8.678,1	94,0	Vượt	8.838,9	105,3	101,9
	. Thu NS địa phương được hưởng theo phân chia	Tỷ đồng	10.450,0	9.853,0	11.168,4	106,9	Vượt	12.532,4	127,2	112,2
9	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng								
	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	46.343	43.832	39.248	84,7	Không đạt	37.999	86,7	96,8
	Trong đó:									
	- Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	13.529	11.077	13.937	103,0	Vượt	11.990	108,2	86,0
	- Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế)	Tỷ đồng	20.589	23.467	23.908	116,1	Vượt	25.222	107,5	105,5
III	ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG									
11	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Tỷ đồng	74.325,2	85.500	83.297	112,1	Không đạt	93.280 - 94.500	109,1 - 110,5	112,0 - 113,4
	So với GRDP	%	28,5	29,4	29,0	101,7		28,9 - 29,1	101,6 - 102,0	103,0 - 103,4
	Nhà nước	Tỷ đồng	23.814,7		24.315,4	102,1		27.230 - 27.586		112,0 - 113,5
	Ngoài nhà nước	Tỷ đồng	45.581,1		53.647,2	117,7		60.077 - 60.863		112,0 - 113,4

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	U' TH 2025 so với TH 2024 (%)	U' TH 2025 so với KH 2025 (%)	Kế hoạch	So với KH 2025 (%)	So với U' TH 2025 (%)
-	Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD	480,5	395,3	361,3	75,2	Không đạt	435,2	110,1	120,4
	<i>Trong đó: Vốn nước ngoài</i>	"	480,5	395,3	361,3	75,2	Không đạt	435,2	110,1	120,4
-	Vốn cấp mới và tăng thêm	Triệu USD	90,2	94,8	202,5	224,4	Vượt	75,9	80,1	37,5
+	<i>Dự án cấp mới</i>	DA	4	4	10	250,0	Vượt	6	150	60,0
+	<i>Vốn cấp mới</i>	Triệu USD	30,0	33,0	95,9	319,5	Vượt	44,0	133,3	45,9
		Tỷ đồng	764,9	855,0	2.489,7	325,5	Vượt	1.160,0	135,7	46,6
+	<i>Dự án tăng thêm vốn</i>	DA	8	8	13	162,5	Vượt	7	88	53,8
+	<i>Vốn tăng thêm</i>	Triệu USD	60,2	61,8	121,6	202,0	Vượt	30,2	48,8	24,8
		Tỷ đồng	1.534,7	1.607,0	3.161,3	206,0	Vượt	798,6	49,7	25,3
IV	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ									
1	Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước									
	Số lượng doanh nghiệp	Doanh nghiệp	5	5	5	100,0		3	60,0	60,0
	Hình thức sắp xếp doanh nghiệp									
	- Số doanh nghiệp giữ nguyên 100% vốn nhà nước	Doanh nghiệp	5	4	5	100,0		3	75,0	60,0
	- Số doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa	Doanh nghiệp	-	1	-	-	-	1	100,0	
2	Doanh nghiệp ngoài nhà nước									
	Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động	Doanh nghiệp	11.671	12.500	13.200	113,1	Vượt	19.320	154,6	146,4
	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	1.593	1.800	2.500	156,9	Vượt	3.000	166,7	120,0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	U' TH 2025 so với TH 2024 (%)	U' TH 2025 so với KH 2025 (%)	Kế hoạch	So với KH 2025 (%)	So với U' TH 2025 (%)
	Tổng số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới	Tỷ đồng	9.643	12.068	16.876	175,0	Vượt	21.000	174,0	124,4
	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động	Doanh nghiệp	242	330	454	187,6	Vượt	530	160,6	116,7
	Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn	Doanh nghiệp	479	550	909	189,8	Không đạt	490	89,1	53,9
	Số doanh nghiệp hoàn tất giải thể	Doanh nghiệp	252	210	410	162,7	Không đạt	350	166,7	85,4
3	Hợp tác xã									
3.1.	Tổng số hợp tác xã	Hợp tác xã	527	521	526	99,8	Vượt	541	103,8	102,9
	Số hợp tác xã thành lập mới	Hợp tác xã	24	12	17	70,8	Vượt	20	166,7	117,6
	Số hợp tác xã giải thể	Hợp tác xã	6	18	18	300,0	Đạt	5	27,8	27,8
3.2.	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	153.514	154.965	169.751	110,6	Vượt	160.330	103,5	94,5
3.3.	Tổng số lao động trong hợp tác xã	Người	36.359	37.805	38.435	105,7	Vượt	39.330	104,0	102,3
	<i>Trong đó: Số lao động là thành viên hợp tác xã</i>	<i>Người</i>	<i>11.509</i>	<i>13.563</i>	<i>11.531</i>	<i>100,2</i>	<i>Không đạt</i>	<i>11.851</i>	<i>87,4</i>	<i>102,8</i>
3.4.	Tổng doanh thu của hợp tác xã	Tỷ đồng	3.263,7	3.823,2	8.377,0	256,7	Vượt	4.016,1	105,0	47,9
3.5.	Thu nhập bình quân người lao động hợp tác xã	Triệu đồng	77,8	84,6	84,8	109,0	Vượt	88,9	105,1	104,8
4	Liên hiệp hợp tác xã									
	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp hợp tác xã	1	1	-	-	-	-	-	-
5	Tổ hợp tác									
5.1.	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác	1.192	1.452	1.273	106,8	Không đạt	1.273	87,7	100,0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	U' TH 2025 so với TH 2024 (%)	U' TH 2025 so với KH 2025 (%)	Kế hoạch	So với KH 2025 (%)	So với U' TH 2025 (%)
	<i>Tr.đó: Số tổ hợp tác đăng ký chứng thực</i>	<i>Tổ hợp tác</i>	<i>1.192</i>	<i>1.452</i>	<i>1.038</i>	87,1	Không đạt	<i>1.273</i>	87,7	122,6
5.2.	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	101.992	102.803	102.803	100,8	Đạt	105.552	102,7	102,7
V	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN									
1	Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu trên địa bàn									
a)	Diện tích gieo trồng lương thực có hạt	Ha	623.470	602.638	622.636	99,9	Vượt	610.775	101,4	98,1
	Sản lượng thu hoạch cây lương thực có hạt	Tấn	4.144.320	4.031.539	4.146.052	100,0	Vượt	4.023.490	99,8	97,0
-	Lúa:	Ha	616.270	595.075	615.191	99,8	Vượt	603.210	101,4	98,1
	Thu hoạch	Ha	616.270	595.075	615.191	99,8	Vượt	603.210	101,4	98,1
	Năng suất	Tạ/ha	66	67	67	100,2	Xấp xỉ Đạt	66	98,4	98,9
	Sản lượng	Tấn	4.090.020	3.977.313	4.091.683	100,0	Vượt	3.968.300	99,8	97,0
-	Ngô:	Ha	7.200	7.563	7.445	103,4	Xấp xỉ Đạt	7.565	100,0	101,6
	Năng suất	Tạ/ha	75	72	73	96,8	Vượt	73	101,8	99,9
	Sản lượng	Tấn	54.300	54.226	54.369	100,1	Vượt	55.190	101,8	101,5
b)	Cây lâu năm (số tại thời điểm)									
	Diện tích	Ha	151.957	158.534	159.546	105,0	Vượt	160.175	101,0	100,4
	Sản lượng	Tấn	2.634.621	2.725.550	2.890.047	109,7	Vượt	2.926.440	107,4	101,3
*	Cây ăn trái (số tại thời điểm)									
	Diện tích	Ha	128.543	134.436	134.450	104,6	Vượt	135.070	100,5	100,5

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	U' TH 2025 so với TH 2024 (%)	U' TH 2025 so với KH 2025 (%)	Kế hoạch	So với KH 2025 (%)	So với U' TH 2025 (%)
	Sản lượng	Tấn	2.277.195	2.362.286	2.502.398	109,9	Vượt	2.532.790	107,2	101,2
2	Chăn nuôi									
	Trâu	Con	2.983	2.988	3.365	112,8	Vượt	2.930	98,1	87,1
	Heo	Con	430.960	472.128	486.765	112,9	Vượt	508.954	107,8	104,6
	Bò	"	160.926	164.910	181.764	112,9	Vượt	171.775	104,2	94,5
	Đàn gia cầm	Nghìn con	25.228	25.875	28.190	111,7	Vượt	25.978	100,4	92,2
3	Lâm nghiệp									
	Tổng diện tích rừng	Ha	8.007	8.033	8.007	100,0	Không đạt	8.157	101,5	101,9
	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	111	103	103	92,4	Đạt	100	97,2	97,2
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	1,3	1,3	1,3	102,3	Đạt	1,4	103,1	103,1
4	Thủy sản	Tấn	985.195	1.020.580	1.051.700	106,8	Vượt	1.084.054	106,2	103,1
5	Phát triển nông thôn									
	Xã Đạt chuẩn nông thôn mới theo chuẩn giai đoạn tương ứng	Xã	-	-				15		
	Lũy kế xã Đạt chuẩn nông thôn mới theo chuẩn giai đoạn tương ứng	Xã	249	249	249	100,0		15	6,0	6,0
	Xã Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	38	17	5	13,2			-	-
	Lũy kế xã Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	126	143	131	104,0			-	-
	Xã Đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	16	10	5	31,3			-	-
	Lũy kế xã Đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	20	30	25	125,0			-	-

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	U' TH 2025 so với TH 2024 (%)	U' TH 2025 so với KH 2025 (%)	Kế hoạch	So với KH 2025 (%)	So với U' TH 2025 (%)
	Cấp huyện Đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Đơn vị	5							
	Lũy kế số đơn vị cấp huyện Đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Đơn vị	23	23	23	100,0				
	Huyện Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Huyện	4	1	-	-				
	Lũy kế số huyện Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Huyện	4	5	4	100,0			-	-
VI	CÔNG NGHIỆP									
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ theo gốc năm 2010	%	110,66	111,5	111,5	100,8	Đạt	112,0	100,4	100,4
2	Một số sản phẩm chủ yếu:									
	- Thủy sản chế biến	tấn	604.980	645.000	645.000	106,6	Đạt	725.600	112,5	112,5
	- Gạo xay xát, lau bóng	nghìn tấn	2.134	4.400	2.260	105,9	Không đạt	2.600	59,1	115,0
	- Miến, hủ tiếu, bánh tráng và các loại tương tự	tấn	26.236	30.200	61.000	232,5	Vượt	62.000	205,3	101,6
	- Thức ăn gia súc, thủy sản	1.000 tấn	3.515	3.850	3.850	109,5	Đạt	4.300	111,7	111,7
	- Sản phẩm may	1.000 cái	48.417	48.700	38.500	79,5	Không đạt	53.000	108,8	137,7
	- Thuốc viên các loại	tr.viên	1.802	2.000	2.000	111,0	Đạt	2.250	112,5	112,5
	- Các bộ phận của dây dếp bằng da, tấm lót bên trong có thể tháo rời ...	1.000 đôi	45.327	41.500	39.600	87,4	Không đạt	46.500	112,0	117,4
	- Bìa	1.000 lít	329.758	317.300	284.200	86,2	Không đạt	367.000	115,7	129,1
	- Túi xách	1.000 cái	9.164	10.000	10.000	109,1	Đạt	11.250	112,5	112,5

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Ư' TH 2025 so với TH 2024 (%)	Ư' TH 2025 so với KH 2025 (%)	Kế hoạch	So với KH 2025 (%)	So với Ư' TH 2025 (%)
	- Sản lượng	Tấn	63.605,3	58.000,0	100.000,0	157,2	Vượt	110.000,0	189,7	110,0
	- Trị giá	Triệu USD	170,3	160,0	200,0	117,4	Vượt	210,0	131,3	105,0
	Bánh phồng tôm, bánh kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc	Triệu USD	74,5	80,0	74,0	99,3	Không đạt	80	100,0	108,1
	Kim loại thường khác và sản phẩm (kể cả đồng)	Triệu USD	1.512,9	1.400,0	1.500,0	99,1	Vượt	1.550	110,7	103,3
	Sản phẩm ngành may	Triệu USD	1.236,8	1.310,0	980,0	79,2	Không đạt	1.000	76,3	102,0
	Giày dép	Triệu USD	992,3	930,0	930,0	93,7	Vượt	940	101,1	101,1
	Sản phẩm từ chất dẻo	Triệu USD	728,3	730,0	758,8	104,2	Vượt	765	104,8	100,8
	Sắt thép và sản phẩm từ sắt thép	Triệu USD	600,7	580,0	500,0	83,2	Không đạt	585	100,9	117,0
	Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	Triệu USD	194,2	200,0	200,0	103,0	Vượt	210	105,0	105,0
	Xơ, sợi dệt các loại	Triệu USD	119,7	120,0	110,0	91,9	Không đạt	120	100,0	109,1
	Hàng hoá khác	Triệu USD	1.425,5	1.450,0	1.723,6	120,9	Vượt	2.240	154,5	130,0
2	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	4.427,5	4.430,0	4.756,4	107,4	Vượt	5.000	112,9	105,1
	<i>Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu</i>									
	Kim loại thường khác (nguyên liệu đồng)	Triệu USD	1.271,6	1.300	1.250	98,3	Không đạt	1.300	100,0	104,0
	Sắt thép các loại	Triệu USD	528,7	550	439	83,0	Không đạt	500	90,9	113,9
	Nguyên phụ liệu dệt may, da giày, túi xách	Triệu USD	414,6	400	360	86,8	Không đạt	400	100,0	111,1
	Vải may mặc	Triệu USD	254,5	378	280	110,0	Không đạt	350	92,6	125,0
	Xăng dầu	Triệu USD	369,0	383	140	37,9	Không đạt	150	39,2	107,1

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	U' TH 2025 so với TH 2024 (%)	U' TH 2025 so với KH 2025 (%)	Kế hoạch	So với KH 2025 (%)	So với U' TH 2025 (%)
	Chất dẻo nguyên liệu	Triệu USD	142,3	150	200	140,5	Vượt	220	146,7	110,0
	Nguyên liệu sản xuất tân dược	Triệu USD	41,0	44	40	97,6	Không đạt	44	100,0	110,0
	Mặt hàng khác	Triệu USD	1.405,9	1.225	2.047	145,6	Vượt	2.036	166,2	99,4
IX	XÃ HỘI									
1	Dân số, lao động và việc làm									
1.1.	Dân số trung bình	Nghìn người	3.397,2	3.403,5	3.403,8	100,2	Đạt	3.410,0	100,2	100,2
	<i>Trong đó: Dân số nông thôn</i>	<i>Nghìn người</i>								
1.2.	Tốc độ tăng dân số	%	0,19	0,19	0,19	104,7	Vượt	0,19	101,5	97,9
	Tuổi thọ trung bình	Tuổi								
	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái								
1.3.	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Nghìn người	2.027	2.037	2.037	100,5	Đạt	2.050	100,6	100,6
	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế	Nghìn người	1.931	1.943	1.984	102,7	Vượt	2.018	103,9	101,7
1.4.	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%	36,5	35,0	35,0	95,9	Đạt	<33	94,3	94,3
1.5.	Tổng số lao động được tạo việc làm	Lao động	57.953	50.000	55.000	94,9	Vượt	50.000	100,0	90,9
	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Lao động	2.778	2.550	2.550	91,8	Đạt	2.200	86,3	86,3
1.6.	Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%		<4	<4			<4		
1.7.	Tỷ lệ lao động được đào tạo	%	69,8	70,0	72,0	103,2	Vượt	74,2	106,0	103,1

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	U' TH 2025 so với TH 2024 (%)	U' TH 2025 so với KH 2025 (%)	Kế hoạch	So với KH 2025 (%)	So với U' TH 2025 (%)
	<i>Tr.đó: Tỷ lệ lao động được đào tạo có bằng, chứng chỉ</i>	%	46,4	35,0	36,5	78,7	Vượt	38,2	109,1	104,7
2	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	25,4	29,5	29,5	116,1	Đạt	31,0	105,1	105,1
3	Giảm nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)									
3.1.	Tỷ lệ hộ nghèo	%	0,9	0,81	0,81	87,1	Đạt	0,69	85,2	85,2
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	Điểm %	-0,3		-0,12	41,4		-0,12		100,0
4	Giáo dục và đào tạo									
4.1.	Tỷ lệ huy động so độ tuổi									
	- Nhà trẻ	%	21,5	22,0	27,7	Cao hơn 1,2 điểm %	Vượt	30,0	Cao hơn 8,0 điểm %	Cao hơn 7,3 điểm %
	- Mẫu giáo	%	87,5	88,4	91,5	Cao hơn 4,0 điểm %	Vượt	92,0	Cao hơn 3,6 điểm %	Cao hơn 0,5 điểm %
	- Tiểu học	%	100,0	100,0	100,0	Tương đương	Đạt	100,0		
	- THCS	%	99,0	99,0	99,1	Thấp hơn 0,3 điểm %	Đạt	99,2	Cao hơn 0,2 điểm %	Cao hơn 0,5 điểm %
	- THPT và tương đương	%	83,5	84,0	84	Thấp hơn 4,5 điểm %	Đạt	81,0	Thấp hơn 3 điểm %	Cao hơn 2 điểm %
4.2.	Tỷ lệ trường Đạt chuẩn quốc gia									
	- Mầm non	%	70,1	73,5	75,5	Cao hơn 5,4 điểm %	Vượt	81,0	Cao hơn 7,5 điểm %	Cao hơn 5,5 điểm %
	- Tiểu học	%	74,1	75,0	76,6	Cao hơn 2,5 điểm %	Vượt	80,0	Cao hơn 5,0 điểm %	Cao hơn 3,4 điểm %
	- THCS	%	68,8	73,2	73,2	Cao hơn 4,4 điểm %	Đạt	78,0	Cao hơn 4,8 điểm %	Cao hơn 4,8 điểm %
	- THPT	%	77,0	80,0	80,0	Cao hơn 0,3 điểm %	Đạt	85,0	Cao hơn 5 điểm %	Cao hơn 5 điểm %

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	U' TH 2025 so với TH 2024 (%)	U' TH 2025 so với KH 2025 (%)	Kế hoạch	So với KH 2025 (%)	So với U' TH 2025 (%)
5	Y tế									
5.1.	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95,0	95,0	95,0	100,0	Đạt	96,0	101,1	101,0
5.2.	Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	27,0	28,0	28,0	103,7	Đạt	28,6	105,9	102,1
5.3.	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	8,8	9,00	9,13	103,8	Vượt	9,2	104,5	100,8
5.5.	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	0,65	<9,1	0,76	100,0	Đạt		100,0	100,0
	Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi	‰	0,99	<10,6	1,2	100,0	Đạt		100,0	100,0
5.6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	8,5	<10,87	8,19	100,0	Đạt	<8,3	100,0	100,0
X	MÔI TRƯỜNG									
1	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý	%	96,46	97,15	97,15	100,7	Đạt	97,6	100,5	100,5
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100,0	100,0	100,0	100,0	Đạt	100,0	100,0	100,0
3	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ xử lý chất thải Đạt tiêu chuẩn môi trường	%	97,0	>97	>97	100,0	Đạt	>97,5	100,5	100,5
4	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung Đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100,0	100,0	100,0	100,0	Đạt	100,0	100,0	100,0
5	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh	%	100,0	100,0	100,0	100,0	Đạt	100,0	100,0	100,0
	<i>Trong đó: tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch Đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung</i>	%	94,0	97,5	97,5	103,8	Đạt	98,1	100,6	100,6

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Năm 2025				Dự kiến năm 2026		
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	U' TH 2025 so với TH 2024 (%)	U' TH 2025 so với KH 2025 (%)	Kế hoạch	So với KH 2025 (%)	So với U' TH 2025 (%)
6	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	99,8	99,8	99,8	100,0	Đạt	99,85	100,1	100,1
7	Tỷ lệ che phủ rừng	%	1,28	1,31	1,31	102,34	Đạt	1,35	103,05	103,05

Số: /NQ-HĐND
(Dự thảo)

Đồng Tháp, ngày tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp năm 2026; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp năm 2026 với những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị và hiệu lực, hiệu quả bộ máy nhà nước; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, khơi dậy khát vọng phát triển và ý chí tự lực, tự cường của Nhân dân. Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; ưu tiên phát triển công nghiệp hiện đại, dịch vụ chất lượng cao và nông nghiệp sinh thái gắn chuỗi giá trị toàn cầu. Đầu tư đồng bộ hạ tầng, mở rộng liên kết vùng, hội nhập quốc tế. Phát triển toàn diện văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao đời sống Nhân dân; quản lý hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng biến đổi khí hậu. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; chủ động công tác truyền thông chính sách, tạo khí thế, niềm tin trong Nhân dân. Giữ vững quốc phòng, an ninh, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại thực chất, hiệu quả.